CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐẤU GIÁ VIỆT NAM

HỒ SƠ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Tên tài sản:

Tài sản, công cụ, vật tư thanh lý năm 2023 của Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc.

(Là tài sản, công cụ, vật tư thanh lý của Trung tâm mạng lưới MobiFone miền Bắc – Chi nhánh Tổng công ty viễn thông MobiFone).

Tháng 4/2024

Công ty ĐGHD Đấu giá Việt Nam *(VNAPAC)*

Số: 833/2024/TB-ĐGVN
V/v: Đấu giá tài sản

Ngày 12 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam - Địa chỉ: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, KĐT Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội

2. Người có tài sản đấu giá: Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc - 811A Giải Phóng, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

3. Tên tài sản đấu giá: Tài sản, công cụ, vật tư thanh lý năm 2023 của Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc *(có danh mục tài sản kèm theo)*

4. Nguồn gốc tài sản và tình trạng pháp lý: Là tài sản, công cụ, vật tư thanh lý của Trung tâm mạng lưới MobiFone miền Bắc – Chi nhánh Tổng công ty viễn thông MobiFone.

5. Giá khởi điểm: 6.609.971.080 đồng *(Đã bao gồm thuế GTGT)*

Bằng chữ; Sáu tỷ, sáu trăm linh chín triệu, chín trăm bảy mốt nghìn, không trăm tám mươi đồng

Người mua được tài sản đấu giá có trách nhiệm thực hiện: các loại thuế liên quan tới tài sản và chi phí; lệ phí sang tên và chuyển quyền sở hữu tài sản (nếu có). Chịu các chi phí khi bàn giao, bảo quản, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại đúng quy định.

6. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

- Tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 500.000 đồng *(Viết bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng)*
- Tiền đặt trước đấu giá: 660.000.000 đồng *(Viết bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi triệu đồng)*

7. Hình thức phương thức, bước giá đấu giá:

- Hình thức, phương thứ đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá theo phương thức trả giá lên
- Bước giá đấu giá: 10.000.000 đồng *(Viết bằng chữ: Mười triệu đồng*)

8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 08h00 ngày 17/4/2024 đến 16h00 ngày 06/5/2024 (*trừ ngày nghỉ, lễ*) tại trụ sở Công ty - Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise II, KĐT Sài Đồng, P. Phúc Đồng, Q. Long Biên, TP Hà Nội

9. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký: Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, người đăng ký mua hồ sơ tham gia đấu giá phải chuẩn bị các giấy tờ (02 bộ), bao gồm:

+ CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp;

+ Giấy ủy quyền, CCCD/CMND/Hộ chiếu của người ủy quyền và của người được ủy quyền *(Trường hợp ủy quyền)*

+ Là các tổ chức hoạt động đúng theo quy định của Pháp luật và có giấy phép đăng ký kinh doanh đúng ngành nghề;

+ Có giấy phép vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng liên kết xử lý chất thải nguy hại còn hiệu lực tối thiểu 03 tháng kể từ ngày hết hạn đăng ký tham gia đấu giá (được chấp thuận theo quy định tại Điều 73 NĐ số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022). Giấy phép vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phải phù hợp với các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và bao gồm các mã chất thải: 16 01 07, 16 01 13, 19 06 01 trong danh mục chất thải nguy hại (CTNH) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. (Khách hàng đánh dấu mã CTNH trên bản chứng thực để phục vụ việc đối soát bản gốc).

+ Khách hàng trúng đấu giá có trách nhiệm vận chuyển, xử lý tài sản chứa chất thải nguy hại theo yêu cầu của Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc đúng quy định của pháp luật và tự chịu mọi chi phí cho việc này.

(Các giấy tờ phải nộp gồm 02 bộ, là bản sao chứng thực trong thời hạn 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức cuộc đấu giá).

10. Thời gian, địa điểm xem tài sản: Ngày 24/4/2024 và ngày 25/4/2024 (*giờ hành chính)*

- Tại Kho của Trung tâm mạng lưới MobiFone Miền Bắc: Khu CN Đồng Văn 2, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

11. Chuyển khoản tiền đặt trước đấu giá: Từ ngày 06/5/2024 đến ngày 08/5/2024 *(Báo có đến 16h00)* theo nội dung;

Tên tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam

Số tài khoản: 118 0027 11832, mở tại: Vietinbank – Chi nhánh TP Hà Nội

Nội dung: "*Tên đơn vị...nộp tiền đặt trước đấu giá tài sản của Mobifone miền Bắc"*

12. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: Ngày 09/5/2024 (14h00) tại địa chỉ: Trung tâm mạng lưới MobiFone miền Bắc: Tầng 9, 811A Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

(*Trường hợp bất khả kháng có sự thay đổi về thời gian, địa điểm mở cuộc đấu giá, Công ty sẽ thông báo đến Người có tài sản và người đủ điều kiện tham gia đấu giá qua Email hoặc số điện thoại đã cung cấp trên đơn đăng ký đấu giá)*

13. Chi tiết xin liên hệ: CÔNG TY ĐGHD ĐẤU GIÁ VIỆT NAM - Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, Khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 024.39842728.

CÔNG TY ĐGHD ĐẤU GIÁ VIỆT NAM

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐẤU GIÁ VIỆT NAM ======== Số: 01/QC-ĐGVN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, Ngày 11 tháng 4 năm 2024*

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ

Tài sản đấu giá:

Tài sản, công cụ, vật tư thanh lý năm 2023 của Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2017;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 01/2024-HĐDV/MLMB-ĐGVN ngày 10/4/2024 giữa Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam và Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc.

Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam ban hành Quy chế cuộc đấu giá tài sản theo hợp đồng nói trên, bao gồm các điều khoản, cụ thể như sau:

CHƯƠNG I:

QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

1.Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này cụ thể hóa về nguyên tắc, trình tự, thủ tục và các nội dung khác liên quan đến việc đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016; Nghị định 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng điều chỉnh

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đấu giá tài sản do Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam thực hiện.

ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, THUẬT NGỮ

1. Tài sản đấu giá là tài sản được phép giao dịch theo quy định của pháp luật;

2. Giá khởi điểm là giá ban đầu thấp nhất của tài sản đấu giá trong trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên;

3. Bước giá là mức chênh lệch tối thiểu của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề trong trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên. Bước giá do người có tái sản đấu giá quyết định.

4. Người có tài sản đấu giá là tổ chức sở hữu tài sản, người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền đấu giá tài sản hoặc người có quyền đưa tài sản ra đấu giá theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật;

5. Người tham gia đấu giá là tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tham gia đấu giá để mua tài sản đấu giá theo quy định của Luật đấu giá tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan;

6. Người trúng đấu giá là tổ chức, cá nhân có mức trả giá hợp lệ cao nhất so với giá khởi điểm tại thời điểm kết thúc việc trả giá khi đấu giá theo phương thức trả giá lên;

7. Phương thức trả giá lên là phương thức đấu giá, theo đó người tham gia đấu giá trả giá từ thấp lên cao cho đến khi xác định được người trả giá cao nhất so với giá khởi điểm;

8. Đồng tiền là đồng tiền sử dụng trong mọi giao dịch theo quy định tại Quy chế này là Việt Nam đồng (viết tắt là VND);

9. Tiền đặt trước là một khoản tiền nhất định người tham gia đấu giá phải nộp để xác định trách nhiệm tham gia cuộc đấu giá. Khoản tiền đặt trước được chuyển thành tiền đặt cọc khi người tham gia đấu giá được đấu giá viên xác định là người trúng đấu giá;

10. Các từ ngữ, thuật ngữ khác: Các từ ngữ, thuật ngữ trong bản Quy chế đấu giá này được sử dụng và hiểu theo nghĩa các từ ngữ, thuật ngữ theo Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu giá tài sản.

ĐIỀU 3: NGUYÊN TẮC ĐẤU GIÁ

1. Cuộc đấu giá chỉ được tiến hành khi có từ 02 (hai) người trở lên tham gia đấu giá trừ trường hợp theo quy định tại Điều 49 Luật Đấu giá tài sản (Căn cứ tại khoản 2 Điều 5 Luật đấu giá tài sản năm 2016).

2. Bảo mật về thông tin người tham gia đấu giá và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc đấu giá tài sản phải tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm tính độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan; Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên.

4. Người mua được tài sản đấu giá là người trả giá hợp lệ cao nhất (không thấp hơn giá khởi điểm).

CHƯƠNG II:
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

ĐIỀU 4. TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

- Tên đơn vị: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam

- Mã số thuế: 0108764561

- Địa chỉ trụ sở: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, KĐT Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội

ĐIỀU 5. NGƯỜI CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

- Tên đơn vị: Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc

- Địa chỉ: 811A Giải Phóng, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

ĐIỀU 6. TÊN TÀI SẢN, GIÁ KHỞI ĐIỂM, TIỀN MUA HỒ SƠ, TIỀN ĐẶT TRƯỚC, THỜI GIAN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ, BƯỚC GIÁ, NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN ĐẤU GIÁ.

1.Tên tài sản, giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước:

a) Tên tài sản: Tài sản, công cụ, vật tư thanh lý năm 2023 của Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc *(Danh mục tài sản kèm theo)*

b) Giá khởi điểm: **6.609.971.080 đồng** *(Đã bao gồm thuế GTGT)*

Bằng chữ; Sáu tỷ, sáu trăm linh chín triệu, chín trăm bảy mốt nghìn, không trăm tám mươi đồng

Người mua được tài sản đấu giá có trách nhiệm thực hiện: các loại thuế liên quan tới tài sản và chi phí; lệ phí sang tên và chuyển quyền sở hữu tài sản (nếu có). Chịu các chi phí khi bàn giao, bảo quản, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại đúng quy định.

c)Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: 500.000 đồng *(Viết bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng)*

d) Tiền đặt trước đấu giá: 660.000.000 đồng *(Viết bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi triệu đồng)*

2. Bước giá: 10.000.000 đồng (*Viết bằng chữ: Mười triệu đồng).*

+ Giá trả hợp lệ là giá trả bằng giá khởi điểm cộng với số tự nhiên n nhân bước giá.

+ Công thức trả giá hợp lệ: Giá trả hợp lệ = (Giá khởi điểm) + (n) x (bước giá)(n) là các số tự nhiên: 0,1,2,3,4,5,6… vv).

3. Nguồn gốc, tình trạng pháp lý của tài sản: Là tài sản, công cụ, vật tư thanh lý của Trung tâm mạng lưới MobiFone miền Bắc – Chi nhánh Tổng công ty viễn thông MobiFone.

ĐIỀU 7. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC THAM GIA ĐẤU GIÁ; THÀNH PHẦN HỒ SƠ THAM GIA ĐẤU GIÁ

1. Đối tượng được đăng ký tham gia đấu giá

Các tổ chức hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu đấu giá tài sản (sau đây gọi chung là "*người đăng ký tham gia đấu giá*".

Trường hợp, có hai doanh nghiệp trở lên cùng thuộc một Tổng công ty thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá; Tổng công ty với công ty thành viên, Công ty mẹ và Công ty con thì chỉ một doanh nghiệp đại diện cho nhóm Công ty tham gia đấu giá; Doanh

nghiệp liên danh/liên kết/ hợp tác theo đúng quy định của pháp luật với một doanh nghiệp khác thì chỉ được một doanh nghiệp đại diện cho liên danh/liên kết tham gia đấu giá.

Người ký đơn đăng ký tham gia đấu giá phải là người đứng đầu của tổ chức, đơn vị tham gia đấu giá.

2. Điều kiện tham gia đấu giá: Người tham gia đấu giá đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật đấu giá tài sản được quyền đăng ký tham gia đấu giá. Ngoài ra, người đăng ký tham gia đấu giá phải đảm báo các điều kiện sau:

+ Là các tổ chức hoạt động đúng theo quy định của Pháp luật và có giấy phép đăng ký kinh doanh đúng ngành nghề;

+ Có giấy phép vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng liên kết xử lý chất thải nguy hại còn hiệu lực tối thiểu 03 tháng kể từ ngày hết hạn đăng ký tham gia đấu giá (được chấp thuận theo quy định tại Điều 73 NĐ số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022). Giấy phép vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phải phù hợp với các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và bao gồm các mã chất thải: 16 01 07, 16 01 13, 19 06 01 trong danh mục chất thải nguy hại (CTNH) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. (Khách hàng đánh dấu mã CTNH trên bản chứng thực để phục vụ việc đối soát bản gốc).

+ Khách hàng trúng đấu giá có trách nhiệm vận chuyển, xử lý tài sản chứa chất thải nguy hại theo yêu cầu của Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc đúng quy định của pháp luật và tự chịu mọi chi phí cho việc này.

3. Những người sau đây không được đăng ký tham gia đấu giá (*Theo khoản 4 Điều 38 của Luật đấu giá)*

- Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

- Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

- Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

- Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

- Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

4. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

Các tổ chức tham gia đấu giá phải có hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ, đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này và nộp đầy đủ hồ sơ theo đúng thời gian quy định, hồ sơ tham gia đấu giá bao gồm:

+ Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do Công ty đấu giá phát hành;

+ CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp;

+ Giấy ủy quyền, CCCD/CMND/Hộ chiếu của người ủy quyền và của người được ủy quyền (Trường hợp ủy quyền)

+ Là các tổ chức hoạt động đúng theo quy định của Pháp luật và có giấy phép đăng ký kinh doanh đúng ngành nghề;

+ Có giấy phép vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng liên kết xử lý chất thải nguy hại còn hiệu lực tối thiểu 03 tháng kể từ ngày hết hạn đăng ký tham gia đấu giá (được chấp thuận theo quy định tại Điều 73 NĐ số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022). Giấy phép vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phải phù hợp với các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và bao gồm các mã chất thải: 16 01 07, 16 01 13, 19 06 01 trong danh mục chất thải nguy hại (CTNH) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. (Khách hàng đánh dấu mã CTNH trên bản chứng thực để phục vụ việc đối soát bản gốc).

+ Khách hàng trúng đấu giá có trách nhiệm vận chuyển, xử lý tài sản chứa chất thải nguy hại theo yêu cầu của Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc đúng quy định của pháp luật và tự chịu mọi chi phí cho việc này.

+ Chứng từ nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá (*có thể gửi bản chụp giấy chuyển tiền đến hòm thư điện tử: online.daugiavietnam@gmail.com)*

(Các giấy tờ phải nộp gồm 02 bộ, là bản sao chứng thực trong thời hạn 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức cuộc đấu giá).

Lưu ý:

Người tham gia đấu giá phải nộp đủ các tài liệu như nêu trên, mọi sự điều chỉnh giấy tờ hồ sơ của người tham gia đấu giá chỉ được xem xét giải quyết nếu thời hạn nộp hồ sơ chưa kết thúc.

ĐIỀU 8. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM BÁN HỒ SƠ VÀ TIẾP NHẬN HỒ SƠ THAM GIA ĐẤU GIÁ; XEM HIỆN TRẠNG TÀI SẢN; NỘP TIỀN ĐẶT TRƯỚC ĐẤU GIÁ; TỔ CHỨC CUỘC ĐẤU GIÁ; HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC ĐẤU GIÁ.

1. Thời gian bán và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 08h00 ngày 17/4/2024 đến 16h00 ngày 06/5/2024 (*trừ ngày nghỉ*).

Người tham gia đấu giá tham khảo Quy chế cuộc đấu giá được niêm yết công khai trên Trang thông tin điện tử daugiavietnam.vn

Sau khi tham khảo hồ sơ, quy chế đấu giá, nếu có nhu cầu tham gia đấu giá tài sản, người tham gia đấu giá chuẩn bị các tài liệu như quy định tại Khoản 6 Điều này và thực hiện nộp hồ sơ tham gia đấu giá tại:

Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam - Địa chỉ: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, KĐT Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội.

Lưu ý:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá qua đường bưu điện là thời gian Công ty đấu giá nhận được hồ sơ do đơn vị Bưu điện chuyển đến và là thời gian xác nhận người tham gia đấu giá đã nộp hồ sơ.

2. Thời gian, địa điểm xem tài sản (giờ hành chính):

Thời gian xem tài sản đấu giá: Ngày 24/4/2024 và ngày 25/4/2024 (giờ hành chính)

- Địa điểm xem tài sản đấu giá: Tại Kho của Trung tâm mạng lưới MobiFone Miền Bắc: Khu CN Đồng Văn 2, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Lưu ý:

- Khi đi xem tài sản khách hàng phải mang theo giấy tờ tùy thân, Người có tài sản sẽ tổ chức cho các khách hàng xem hiện trạng tài sản theo danh sách do Công ty đấu giá cung cấp hoặc theo giấy giới thiệu Công ty đấu giá đã cung cấp cho những người có nhu cầu xem tài sản.

- Xem tài sản không là điều kiện bắt buộc đối với khách hàng đăng ký tham gia đấu giá, do đó khách hàng tự chịu trách nhiệm về việc hiểu rõ các tính chất, đặc điểm, số lượng và chất lượng tài sản đấu giá hoặc tự cam kết về việc không có nhu cầu xem hiện trạng tài sản, chấp nhận danh mục tài sản như mô tả tại hồ sơ đấu giá. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc xem tài sản do khách hàng chịu.

3. Thời gian chuyển khoản tiền đặt trước: Từ ngày 06/5/2024 đến ngày 08/5/2024 (Báo có đến 16 giờ 00)

- Hình thức nộp tiền đặt trước: Chuyển khoản

- Tên tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam

- Số tài khoản: 118002711832 mở tại: Vietinbank - Chi nhánh TP Hà Nội

- Nội dung: "*Tên đơn vị*", nộp tiền đặt trước đấu giá tài sản của Mobifone miền Bắc"

**** Lưu ý đối với người tham gia đấu giá:***

- Người tham gia đấu giá thực hiện nộp tiền đặt trước theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá này, cụ thể: Chuyển đủ một lần số tiền đặt trước theo đúng quy định tại Thông báo đấu giá tài sản (*Quy chế cuộc đấu giá không chấp nhận việc nộp tiền đặt trước trong cùng 01 tài sản thành nhiều giấy chuyển tiền riêng biệt).*

- Để chứng minh người tham gia đấu giá có năng lực tài chính, Quy chế cuộc đấu giá không chấp nhận các trường hợp tổ chức, đơn vị đăng ký tham gia đấu giá sử dụng tài khoản cá nhân để nộp và nhận lại tiền đặt trước đấu giá.

- Khoản tiền đặt trước của người không trúng đấu giá, không vi phạm quy chế đấu giá được Công ty ĐGHD Đấu giá Việt Nam hoàn trả lại cho tổ chức/đơn vị đã nộp hồ sơ tham gia đấu giá trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

- Công ty ĐGHD Đấu giá Việt Nam không có bất kỳ thỏa thuận nào với người tham gia đấu giá về việc chấp thuận nộp tiền đặt trước sau thời điểm hết hạn hoặc nộp vào số tài khoản khác số tài khoản đã được quy định tại Quy chế cuộc đấu giá này. Chứng từ "Báo có" đến tài khoản của Công ty ĐGHD Đấu giá Việt Nam sau 16h00 của ngày hết hạn được coi là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá mà Công ty không cần phải thông báo bằng văn bản.

- Trường hợp, người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước sớm hơn ngày theo thông báo đã phát hành công khai được hiểu là người tham gia đấu giá tự nguyện nộp sớm theo nhu cầu và vẫn được coi là hợp lệ.

- Mọi khoản phí liên quan đến việc chuyển tiền và nhận lại tiền đặt trước (*nếu có*) do khách hàng chịu phí theo mức quy định của các Ngân hàng /Tổ chức tín dụng.

4. Hình thức, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Trực tiệp bằng lời nói tại cuộc đấu giá.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên

5. Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá:

Bắt đầu lúc 14h00 ngày 09/5/2024 tại: Trung tâm mạng lưới MobiFone miền Bắc: Tầng 9, 811A Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

ĐIỀU 9. ĐĂNG KÝ VÀ RÚT LẠI ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ

1. Đăng ký tham gia đấu giá

Khách hàng có nhu cầu, đáp ứng đủ điều kiện theo Thông báo và Quy chế cuộc đấu giá phải chuẩn bị hồ sơ và nộp hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy chế này.

2. Rút lại đăng ký tham gia đấu giá

- Trường hợp, người đã đăng ký tham gia đấu giá và đã nộp khoản tiền đặt trước, nếu sau đó muốn rút lại việc tham gia đấu giá thì phải thông báo chậm nhất vào trước thời điểm thời gian tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá kết thúc. Người rút lại đăng ký tham gia đấu giá chỉ được nhận lại khoản tiền đặt trước đấu giá.

- Mọi trường hợp thông báo rút lại việc đăng ký tham gia đấu giá chậm theo thời hạn qui định như trên thì việc rút lại đăng ký tham gia đấu giá không được chấp nhận, khách hàng vẫn phải tham gia cuộc đấu giá.

ĐIỀU 10. TIỀN ĐẶT TRƯỚC VÀ XỬ LÝ TIỀN ĐẶT TRƯỚC

1. Người tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước đúng thời gian quy định.

2. Người tham gia đấu giá có quyền từ chối tham gia cuộc đấu giá và được nhận lại tiền đặt trước trong trường hợp có thay đổi về giá khởi điểm, số lượng, chất lượng tài sản đã niêm yết, thông báo công khai.

3. Khoản tiền đặt trước được xử lý như sau:

- Những người không trúng đấu giá, không mua được tài sản, không vi phạm quy chế đấu giá bao gồm cả người rút lại việc đăng ký tham gia đấu giá đúng thời hạn quy định, được nhận lại 100% số tiền đặt trước trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá hoặc trong thời hạn khác do các bên thỏa thuận. (*Theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật đấu giá tài sản).*

- Kể từ thời điểm kết thúc cuộc đấu giá thành, biên bản đấu giá được lập, khoản "***tiền đặt trước***" của Người trúng đấu giá được chuyển thành "***tiền đặt cọc***" để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ ký kết Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

**** Khoản tiền đặt trước của khách hàng tham gia đấu giá vi phạm Quy chế cuộc đấu giá sẽ thuộc về Người có tài sản đấu giá trong các trường hợp:***

a) Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng (*các trường hợp bất khả kháng được áp dụng theo quy định tại Luật dân sự 2015*);

b) Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm các quy định: (1) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá; (2) Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để dìm giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản; (3) Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá; (4) Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản; (5) Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan (Khoản 5 Điều 9 Luật đấu giá tài sản 2016);

c) Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định (Khoản 3 Điều 44 Luật đấu giá tài sản);

d) Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận trước khi Đấu giá viên công bố người trúng đấu giá; (Điều 50 Luật đấu giá tài sản)

đ) Từ chối kết quả trúng đấu giá sau khi Đấu giá viên đã công bố người trúng đấu giá (Điều 51 Luật đấu giá tài sản).

ĐIỀU 11: NỘI QUY CUỘC ĐẤU GIÁ

- Người đủ điều kiện tham gia đấu giá phải có mặt tại phòng tổ chức đấu giá đúng ngày, giờ theo Thông báo đã quy định.

- Tại cuộc đấu giá, chỉ có người đăng ký tham gia đấu giá hoặc đại diện hợp pháp của người đó mới được vào phòng tổ chức đấu giá và có quyền trả giá. Đối với tổ chức có tên trong danh sách đăng ký tham gia đấu giá chỉ được cử 01 (một) đại diện tham gia đấu giá. Trường hợp ủy quyền, phải có Giấy ủy quyền (01 bản gốc) và 01 bản CCCD/CMND

của người được ủy quyền tham gia cuộc đấu giá nếu không phải là người đã thực hiện mua, nộp hồ sơ tham gia đấu giá.

- Người tham gia đấu giá không sử dụng chất kích thích trước khi đến tham gia cuộc đấu giá, không mang vũ khí, chất cháy, chất nổ đến khu vực tổ chức đấu giá. Ngồi đúng vị trí đã được hướng dẫn, không đi lại trong phòng đấu giá, không tự ý rời khỏi phòng đấu giá khi chưa có sự đồng ý của đấu giá viên.

- Người tham gia đấu giá không sử dụng điện thoại hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác để trao đổi với tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá khác trong khi trả giá, nếu phát hiện có hành vi gian dối, phá rối, cản trở cuộc đấu giá hoặc liên kết thông đồng dìm giá thì bị truất quyền tham gia đấu giá.

- Người tham gia đấu giá có hành vi gây rối trật tự, quậy phá làm mất an ninh phòng đấu giá, đấu giá viên sẽ truất quyền tham gia đấu giá và yêu cầu Cơ quan Công an xử lý hành vi gây rối mất trật tự nơi công cộng theo quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III:

TỔ CHỨC CUỘC ĐẤU GIÁ

ĐIỀU 12. TRÌNH TỰ MỞ CUỘC ĐẤU GIÁ, CÁCH THỨC, THỜI GIAN TRẢ GIÁ, NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG ĐẤU GIÁ, GIÁ TRÚNG ĐẤU GIÁ, DIỄN BIẾN CUỘC ĐẤU GIÁ VÀ KẾT QUẢ CUỘC ĐẤU GIÁ.

1. Mở đầu cuộc đấu giá, Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá:

- Giới thiệu bản thân, người giúp việc;

- Công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá hợp lệ;

- Phổ biến Quy chế cuộc đấu giá;

- Giới thiệu tài sản đấu giá;

- Nhắc lại mức giá khởi điểm;

- Thông báo bước giá đấu giá và khoảng thời gian tối đa giữa các lần trả giá;

- Phát thẻ trả giá cho người tham gia đấu giá;

- Hướng dẫn cách trả giá, chấp nhận giá cho người tham gia đấu giá;

- Giải đáp thắc mắc của người tham gia đấu giá;

- Điều hành việc trả giá, chấp nhận giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cách thức, thời gian trả giá, nguyên tắc xác định người trúng đấu giá và giá trúng đấu giá:

- Khách hàng sử dụng Thẻ có đánh số do Công ty ĐGHD Đấu giá Việt Nam cung cấp làm phương tiện trả giá.

- Chỉ có khách hàng đầu tiên giơ thẻ trả giá sớm nhất được quyền trả bằng giá khởi điểm, khách hàng trả giá tiếp theo phải trả cao hơn mức giá trả liền kề trước đó và tuân thủ đúng theo bước giá đã quy định tại Quy chế này.

- Đấu giá viên nhắc lại 03 lần mức giá đã trả sau mỗi lần người tham gia đấu giá trả giá, mỗi lần nhắc lại cách nhau ít nhất từ 10 đến 30 giây và đề nghị những người tham gia đấu giá khác tiếp tục trả giá;

- Đấu giá viên công bố người đã trả giá cao nhất là người trúng đấu giá sau khi nhắc lại 03 (ba) lần giá cao nhất đã trả và cao hơn giá khởi điểm mà không có người trả giá cao hơn. Phiên đấu giá kết thúc khi Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá gõ búa 03 (ba) lần.

3. Diễn biến trong quá trình trả giá

- Trường hợp, người đã trả giá cao nhất mà rút lại giá đã trả trước khi Đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì cuộc đấu giá vẫn được tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó. Người rút lại giá đã trả hoặc rút lại giá đã chấp nhận sẽ bị truất quyền tham gia cuộc đấu giá và mất khoản tiền đặt trước theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 39 Luật đấu giá tài sản.

- Trường hợp, khi Đấu giá viên đã công bố người trúng đấu giá mà người này từ chối kết quả trúng đấu giá, thì tài sản được bán cho người trả giá liền kề, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người có giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá.

- Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì cuộc đấu giá đó coi như không thành.

- Trường hợp, nếu tại phiên đấu giá chỉ có một người trả giá hoặc không có người nào trả giá hoặc trả giá thấp hơn giá khởi điểm thì cuộc đấu giá được coi là không thành.

- Các tình huống phát sinh khác trong phiên đấu giá được đấu giá viên xử lý phù hợp theo quy định pháp luật về đấu giá tài sản.

4. Biên bản đấu giá

- Cuộc đấu giá chấm dứt khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá hoặc khi đấu giá không thành;

- Diễn biến của cuộc đấu giá được ghi vào biên bản đấu giá. Biên bản đấu giá được lập tại cuộc đấu giá và có chữ ký của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá, người ghi biên bản, người trúng đấu giá, người có tài sản đấu giá, đại diện của những người tham gia đấu giá;

- Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá được coi như không chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá;

- Biên bản đấu giá được đóng dấu của tổ chức đấu giá tài sản.

ĐIỀU 13. CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM BỊ TRUẤT QUYỀN THAM GIA CUỘC ĐẤU GIÁ

Người tham gia đấu giá bị truất quyền tham gia đấu giá trong các trường hợp sau:

- Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá.

- Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để dìm giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

- Gây rối, cản trở hoạt động đấu giá tài sản.

- Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

- Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

ĐIỀU 14. ĐẤU GIÁ TRONG TRƯỜNG HỢP CHỈ CÓ MỘT NGƯỜI ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ, MỘT NGƯỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ, MỘT NGƯỜI TRẢ GIÁ, MỘT NGƯỜI CHẤP NHẬN GIÁ

Việc đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá chỉ được tiến hành sau khi đã tổ chức cuộc đấu giá lần đầu nhưng không thành và được thực hiện khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc đấu giá, hoặc có nhiều người tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá, hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó nếu người có tài sản đấu giá đồng ý bằng văn bản (*Trừ trường hợp quy định tại Điều 59 Luật đấu giá tài sản)*

Việc đấu giá tài sản theo trong trường hợp này chỉ được tiến hành khi đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đấu giá tài sản và không có khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục cho đến ngày tổ chức cuộc đấu giá.

ĐIỀU 15. TRƯỜNG HỢP ĐẤU GIÁ KHÔNG THÀNH

- Đã hết thời hạn đăng ký mà không có người đăng ký tham gia đấu giá;

- Tại cuộc đấu giá không có người trả giá hoặc không có người chấp nhận giá;

- Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản;

- Người đã trả giá rút lại giá đã trả, người đã chấp nhận giá rút lại giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Đấu giá tài sản mà không có người trả giá tiếp;

- Trường hợp từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật Đấu giá tài sản;

- Đã hết thời hạn đăng ký mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá trong trường hợp đấu giá tài sản quy định tại Điều 49 Luật Đấu giá tài sản.

CHƯƠNG IV

HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀI SẢN ĐẤU GIÁ, THỜI HẠN KÝ KẾT, THANH TOÁN TIỀN MUA TÀI SẢN ĐẤU GIÁ VÀ BÀN GIAO TÀI SẢN

ĐIỀU 16. KÝ KẾT HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

1. Kết quả đấu giá tài sản là căn cứ để các bên ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

2. Hợp đồng mua bán được ký kết giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá hoặc ký kết ba bên giữa người có tài sản đấu giá, người trúng đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu thành *(trừ trường hợp có thỏa thuận khác)*. Hợp đồng mua bán được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Người trúng đấu giá được coi như chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá kể từ thời điểm đấu giá viên công bố người trúng đấu giá, trừ trường hợp người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá hoặc từ chối kết quả trúng đấu giá. Kể từ thời điểm này, quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 17. THỜI HẠN THANH TOÁN TIỀN TRÚNG ĐẤU GIÁ; THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC BÀN GIAO TÀI SẢN

1. Thời hạn, phương thức thanh toán tiền trúng đấu giá

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hợp dồng mua bán có hiệu lực, người trúng đấu giá phải thanh toán toàn bộ số tiền trúng đấu giá tài sản vào tài khoản (theo quy định) của người có tài sản đấu giá.

Nếu chậm thanh toán so với tiến độ thanh toán nêu trên hoặc không đến ký kết hợp đồng mua bán, người trúng đấu giá bị xem là đơn phương huỷ bỏ hợp đồng và toàn bộ số tiền đã nộp *(tiền đặt trước khi đăng ký tham gia đấu giá)* thuộc về Người có tài sản đấu giá.

2.Thời gian bàn giao tài sản:

Bên có tài sản bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá chậm nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày đã nhận đủ tiền bán tài sản hoặc theo thời gian khác được thoả thuận trong hợp đồng mua bán tài sản tài sản.

3. Địa điểm giao tài sản:

Tại Kho của Trung tâm mạng lưới MobiFone Miền Bắc: Khu CN Đồng Văn 2, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

4. Phương thức bàn giao:

- Bên có tài sản đấu giá trực tiếp bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá theo đúng thời gian thỏa thuận. Từ thời điểm người mua nhận đủ tài sản, người mua có trách nhiệm chịu mọi chi phí liên quan đến việc bảo quản tài sản, vận chuyển và xử lý tài sản ra khỏi địa điểm để tài sản.

- Trường hợp khó khăn khách quan ảnh hưởng đến tiến độ giao nhận, làm chậm công tác bàn giao tài sản thì các bên có trách nhiệm thông báo cho nhau và cùng nhau bàn bạc, giải quyết.

-Trường hợp, quá thời hạn bàn giao theo thỏa thuận mà Bên có tài sản đấu giá vẫn không bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá thì phải phải đền bù thiệt hại cho khách hàng trúng đấu giá, cụ thể: Trả lại toàn bộ số tiền người mua đã nộp, đền bù thiệt hại phát sinh do việc vi phạm Hợp đồng theo yêu cầu của người mua tài sản (nếu có). Trừ trường hợp bất khả kháng hoặc pháp luật có quy định khác.

- Trường hợp, Bên có tài sản đấu giá bàn giao tài sản không đúng với hiện trạng tài sản như đã mô tả tại hồ sơ pháp lý của tài sản hoặc danh mục tài sản đã cung cấp thì phải chịu trách nhiệm trực tiếp với người mua được tài sản, thỏa thuận bồi thường (nếu có) cho người mua được tài sản theo quy định pháp luật hiện hành.

- Người trúng đấu giá phải chịu mọi chi phí bốc dỡ, vận chuyển và phải đảm bảo an toàn cho người và thiết bị của Bên bàn giao tài sản. Nếu xảy ra hư hỏng và mất an toàn thì người trúng đấu giá phải bồi thường mọi thiệt hại cho Bên có tài sản đấu giá.

- Tiền thuê kho bãi (nếu có) đến ngày bàn giao tài sản do Bên có tài sản đấu giá thanh toán; từ ngày bàn giao tài sản đến khi người mua chuyển đi do Bên mua chịu.

CHƯƠNG V
TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

ĐIỀU 18. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

- Chịu trách nhiệm về thông tin, giấy tờ, tài liệu đã nộp khi đăng ký tham gia đấu giá.

- Liên hệ với đơn vị có tài sản để đi xem hiện trạng tài sản đúng thời gian quy định, nghiên cứu kỹ bản Quy chế này trước khi nộp Hồ sơ tham gia đấu giá. Mọi khiếu nại thắc mắc, hay có sai lệch về thông tin tài sản phải thông báo bằng văn bản cho Công ty đấu giá giải quyết trước thời hạn kết thúc nộp Hồ sơ tham gia đấu giá. Nếu không có khiếu nại gì, coi như khách hàng đã chấp nhận thông tin liên quan đến tài sản đấu giá. Mọi khiếu nại liên quan đến tài sản sau khi kết thúc thời hạn nộp Hồ sơ tham gia đấu giá sẽ không được giải quyết.

- Tìm hiểu kỹ về hiện trạng hiện nay của tài sản và hồ sơ pháp lý tài sản đấu giá, hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm và rủi ro phát sinh (*nếu có*) khi mua được tài sản đấu giá, đồng thời cam kết không khiếu nại, tranh chấp, khởi kiện sau khi trúng đấu giá.

- Khách hàng tham gia đấu giá được coi là đã chấp thuận hiện trạng, tình trạng pháp lý của tài sản và tuân thủ mọi quy định tại quy chế này.

ĐIỀU 19. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

- Thực hiện việc đấu giá tài sản theo quy định tại quy chế này và Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016.

- Lập biên bản đấu giá để ghi chép đầy đủ nội dung diễn biến của cuộc đấu giá.

- Không giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến tài sản đấu giá; Không chịu trách nhiệm về chất lượng, số lượng, chủng loại cũng như sự thiếu đồng bộ, chi tiết phụ kiện (*nếu có*) kèm theo tài sản đấu giá.

ĐIỀU 20. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ CÓ TÀI SẢN

Tài sản được đưa ra đấu giá trên cơ sở thực tế mà khách hàng đã được xem xét hiện trạng tài sản, tham khảo kỹ, đầy đủ Hồ sơ pháp lý về nguồn gốc và tình trạng pháp lý của tài sản. Vì vậy, Đơn vị có tài sản chỉ chịu trách nhiệm giải quyết mọi vấn đề pháp lý liên quan đến tài sản, bàn giao đúng hiện trạng tài sản như khách hàng đã tham khảo xem xét thực tế.

ĐIỀU 21. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI TRÚNG ĐẤU GIÁ

1.Quyền

- Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là văn bản có giá trị xác nhận việc mua bán và làm căn cứ xác định quyền sở hữu tài sản của người trúng đấu giá.

- Được nhận bàn giao tài sản đấu giá theo đúng danh mục đã được cung cấp tại hồ sơ đấu giá tài sản và các giấy tờ pháp lý, hóa đơn…liên quan đến tài sản đấu giá.

- Được bồi thường thiệt hại nếu đơn vị có tài sản bàn giao tài sản thiếu, không đúng số lượng, chủng loại như đã được mô tả tại danh mục tài sản đấu giá.

- Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2.Trách nhiệm

- Ký hợp đồng và thanh toán tiền trúng đấu giá theo đúng thời gian thỏa thuận tại hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

- Cử đại diện hợp pháp nhận bàn giao tài sản theo kế hoạch bàn giao của đơn vị có tài sản đấu giá.

- Đảm bảo an toàn, phòng chống chảy nổ, không để hư hỏng, mất mát, gây thiệt hại về tài sản của đơn vị có tài sản trong quá trình nhận tài sản.

- Chịu mọi rủi ro, chi phí phát sinh do việc chậm nhận tài sản (*nếu có*) và chịu mọi chi phí về các khoản thuế, phí, lệ phí, phí khác (*nếu có*) theo quy định của Nhà nước khi thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản theo quy định pháp luật hiện hành.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 22. CHỊU RỦI RO VÀ BẤT KHẢ KHÁNG

Đơn vị có tài sản chịu rủi ro đối với tài sản đấu giá cho đến khi tài sản được bàn giao cho người trúng đấu giá, người mua được tài sản chịu rủi ro kể từ khi nhận bàn giao tài sản đấu giá. Công ty đấu giá không chịu trách nhiệm về bất cứ rủi ro nào xảy ra đối với tài sản đấu giá nói trên.

Cuộc đấu giá này không thể thực hiện do các trường hợp bất khả kháng như: Thiên tai, địch họa, có yêu cầu ngừng mở cuộc đấu giá, huỷ bỏ kết quả đấu giá, huỷ bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá của Đơn vị có tài sản, Cơ quan chức năng có thẩm quyền … Đơn vị có tài sản, Công ty đấu giá, người tham gia đấu giá và người trúng đấu giá phải thực hiện theo, các vấn đề có liên quan được khôi phục về nguyên trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận, nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 23. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Cán bộ của Công ty đấu giá, người tham gia đấu giá và các cá nhân/tổ chức có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế cuộc đấu giá này.

Đơn vị có tài sản, Tổ chức đấu giá tài sản và người tham gia đấu giá có trách nhiệm thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Quy chế này và các qui định pháp luật liên quan.

Mọi trường hợp phát sinh giữa các bên sẽ được giải quyết theo qui định tại Quy chế này, trong trường hợp bản Quy chế này không qui định, tranh chấp giữa các bên sẽ được giải quyết theo qui định tại Luật đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như các quy định pháp luật khác liên quan.

Quy chế đấu giá được lập gồm 23 Điều, Thông báo đấu giá tài sản là một tài liệu không thể tách rời khỏi quy chế này.

CÔNG TY ĐGHD ĐẤU GIÁ VIỆT NAM

PHỤ LỤC 1: GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
1	N.TRAM BTS HAT LOT 2	5100A0200000104	1
2	NHA TRAM BTS NAM HA	5100A0200000202	1
3	NHA TRAM BTS CN QUANGMINH	5100A0200000319	1
4	NHA TRAM BTS CAM CON	5100A0200000379	1
5	NHA TRAM BTS NOONG BUA 2	5100A0200000383	1
6	NHA TRAM BTS BAI CHAY QN	5100A0200000579	1
7	NHA TRAM BTS MONG CAI 2	5100A0200000591	1
8	CSHT BTS DEO BOT	5100A0200000600	1
9	NHA TRAM BTS CANGCAIRONG	5100A0200000634	1
10	NHA TRAM BTS NMXM CAMPHA	5100A0200000639	1
11	NHA TRAM BTS CAO SON 2	5100A0200000659	1
12	NHA TRAM BTS UONG BI 30	5100A0200000753	1
13	NHA TRAM BTS CAM PHA 54	5100A0200000758	1
14	NHA TRAM BTS HA LONG 63	5100A0200000761	1
15	NHA TRAM BTS YEN HUNG 16	5100A0200000762	1
16	NHA TRAM BTS YEN HUNG 17	5100A0200000763	1
17	NHA TRAM BTS YEN HUNG 18	5100A0200000764	1
18	NHA TRAM BTS CAM PHA 59	5100A0200000765	1
19	NHA TRAM BTS DAM HA 9	5100A0200000769	1
20	NHA TRAM BTS DAM HA 10	5100A0200000770	1
21	NHA TRAM BTS BINH LIEU 8	5100A0200000771	1
22	NHA TRAM BTS TIEN YEN 18	5100A0200000772	1
23	NHA TRAM BTS DONGTRIEU26	5100A0200000773	1
24	NHA TRAM BTS UONG BI 31	5100A0200000774	1
25	NHA TRAM BTS UONG BI 35	5100A0200000775	1
26	NHA TRAM BTS TIEN YEN 14	5100A0200000788	1
27	NHA TRAM BTS UONG BI 32	5100A0200000792	1
28	NHA TRAM BTS HOANH BO 25	5100A0200000793	1
29	NHA TRAM BTS CAM PHA 55	5100A0200000794	1
30	NHA TRAM BTS CAM PHA 61	5100A0200000795	1
31	NHA TRAM BTS TIEN YEN 16	5100A0200000796	1
32	NHA TRAM BTS HAI HA 22	5100A0200000797	1
33	NHA TRAM LANG GIANG 18	5100A0200000849	1
34	NHA TRAM BTS TIEN YEN 19	5100A0200000863	1
35	NHA TRAM BTS VAN DON 19	5100A0200000865	1
36	NHA TRAM BTS HAI HA 18	5100A0200000866	1
37	NHA TRAM BTS TIEN YEN 15	5100A0200000867	1
38	NHA TRAM BTS MONG CAI 37	5100A0200000868	1
39	NHA TRAM BTS HAI HAU 23	5100A0200000890	1
40	NHA TRAM BTS DONG CO	5100A0200000948	1
41	NHA TRAM BTS HIEP HOA 28	5100A0200000971	1
42	NHA TRAM BTS QUANGTRUNG4	5100A0200001047	1
43	NHA TRAM BTS TIEN YEN 4	5100A0200001053	1
44	NHA TRAM BTS CHUA CAI BAU	5100A0200001190	1
45	NHA TRAM BTS DIEM DIEN 6	5100A0200001415	1
46	NHA TRAM BTS TAN HOP	5100A0200001424	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
47	NHA TRAM BTS CAM HAI 3	5100A0200001439	1
48	NHA TRAM BTS THANCOCSAU6	5100A0200001444	1
49	NHA TRAM BTS THANH SON 2	5100A0200001794	1
50	NHA TRAM BTS BA SAO	5100A0200001844	1
51	NHA TRAM BTS TEN TAN 2	5100A0200001876	1
52	NHA TRAM BTS THIEU TRUNG	5100A0200001923	1
53	NHA TRAM BTS HOANG DONG 2	5100A0200001992	1
54	NHA TRAM BTS THUONG DONG	5100A0200002168	1
55	NHA TRAM BTS QUACHDINHBAO	5100A0200002183	1
56	NHA TRAM BTS TRAN CAO	5100A0200002276	1
57	NHA TRAM BTS MU CANGCHAI2	5100A0200002384	1
58	NHA TRAM BTS QUANG KIM 3	5100A0200002412	1
59	NHA TRAM BTS THUNG KHE	5100A0200002563	1
60	NHA TRAM BTS THACH HA 3	5100A0200002593	1
61	COT ANTEN BTS CNQUANGMINH	5100A0300000455	1
62	COT 15m MONG CAI 2 P15	5100A0300000589	1
63	COT ANTEN BTS NMXM CAMPHA	5100A0300000672	1
64	COT ANTEN BTS CAM PHA 61	5100A0300000823	1
65	COT ANTEN BTS TT THANHHA2	5100A0300001132	1
66	COT HOANH BO 21M PHA 12C	5100A0300000586	1
67	COT DAY CO 40m DEO BOT	5100A0300000631	1
68	COT ANTEN HAT LOT 2	5100A0300000071	1
69	COT ANTEN LANG GIANG 18	5100A0300000924	1
70	COT ANTEN BTS DONG HUNG29(18m)	5100A0300000944	1
71	COT ANTEN BTS HA LONG 78	5100A0300001002	1
72	COT ANTEN BTS NAM HA	5100A0300000098	1
73	COT ANTEN BTS HIEP HOA 28	5100A0300000887	1
74	COT ANTEN BTS DONG CO	5100A0300001175	1
75	COT ANTEN BTS TIEN YEN 4	5100A0300001206	1
76	COT ANTEN BTS NOONG BUA 2	5100A0300000418	1
77	COT ANTEN BTS CAM CON	5100A0300000422	1
78	COT ANTEN TU DUNG	5100A0300000481	1
79	COT ANTEN TU DUNG 45M	5100A0300000495	1
80	COT 4 CANH49M VIETYEN P12	5100A0300000596	1
81	COT TU DUNG TIEN LU -HYEN	5100A0300000600	1
82	NT SHELTER BTS CAU CHUI	5100A0500000011	1
83	SHELTER BTS CAO SON 2	5100A0500000034	1
84	NHA SHELTER 3C-SH2700	5100A0500000151	1
85	NHA SHELTER 3C-SH2700	5100A0500000253	1
86	NHA SHELTER 3C-SH2700	5100A0500000279	1
87	NHA SHELTER 3C-SH2700	5100A0500000306	1
88	NHA SHELTER 3C-SH2700	5100A0500000441	1
89	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500000465	1
90	NHA SHELTER SH2700WD2480	5100A0500000708	1
91	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500000814	1
92	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500000845	1
93	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500000907	1
94	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500000920	1
95	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500000990	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
96	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500001056	1
97	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500001058	1
98	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500001103	1
99	NHA SHELTER TL/H2700W2480	5100A0500001186	1
100	NHA SHELTER TL/H2700W2480	5100A0500001293	1
101	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500001607	1
102	NHA SHELTER 3C-SH320MF	5100A0500001793	1
103	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500002019	1
104	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500002041	1
105	NHA SHELTER 3C-SH4320MF	5100A0500002051	1
106	TU ENCLOSUREDTS1110-41	5100A9900000151	1
107	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000029	1
108	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000034	1
109	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000041	1
110	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000043	1
111	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000044	1
112	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000047	1
113	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000048	1
114	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000049	1
115	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000050	1
116	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000051	1
117	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000052	1
118	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000053	1
119	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000054	1
120	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000055	1
121	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000056	1
122	NGUON DIEN 1 CHIEU-48VDC	5100B0100000057	1
123	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000139	1
124	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000154	1
125	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000161	1
126	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000167	1
127	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000180	1
128	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000186	1
129	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000189	1
130	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000190	1
131	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000191	1
132	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000196	1
133	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000197	1
134	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000198	1
135	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000199	1
136	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000200	1
137	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000201	1
138	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000206	1
139	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000207	1
140	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000209	1
141	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000214	1
142	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000217	1
143	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000218	1
144	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000219	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
145	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000220	1
146	TU NGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000223	1
147	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000224	1
148	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000225	1
149	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000226	1
150	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000227	1
151	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000240	1
152	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000242	1
153	TUNGUON EMERSON DC 701A51	5100B0100000251	1
154	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000256	1
155	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000266	1
156	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000270	1
157	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000274	1
158	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000275	1
159	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000276	1
160	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000277	1
161	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000278	1
162	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000279	1
163	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000280	1
164	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000281	1
165	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000282	1
166	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000283	1
167	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000291	1
168	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000295	1
169	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000302	1
170	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000306	1
171	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000315	1
172	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000319	1
173	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000322	1
174	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000345	1
175	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000346	1
176	TUNGUON DC 48VDC 6KW	5100B0100000354	1
177	BTS DUALBAND 10/10/10	5100B0500000243	1
178	BTS DUALBAND 10/10/10	5100B0500000245	1
179	BTS DUALBAND 10/10/10	5100B0500000247	1
180	BTS HUAWEI 3012 2/2/2-REU	5100B0500000314	1
181	BTS HUAWEI 3012 2/2/2-REU	5100B0500000316	1
182	BTS HUAWEI 3012 2/2/2	5100B0500000342	1
183	BTS HUAWEI 3012 2/2/2-REU	5100B0500000357	1
184	BTS HUAWEI 3012 -REUSED	5100B0500000358	1
185	BTS HUAWEI 3012 2/2/2-REU	5100B0500000359	1
186	BTS HUAWEI 3012 60W 2/2/2	5100B0500000590	1
187	BTS HUAWEI 3012 60W 2/2/2	5100B0500000593	1
188	BTS HUAWEI 3012 60W 2/2/2	5100B0500000626	1
189	BTS HUAWEI 3012 60W 2/2/2	5100B0500000644	1
190	BTS GSM900 2/2/3 INDOOR	5100B0500000790	1
191	BTS GSM900 2/2/3 INDOOR	5100B0500000792	1
192	BTS GSM900 2/2/3 INDOOR	5100B0500000814	1
193	BTS GSM900 2/2/3 INDOOR	5100B0500000943	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
194	BTS GSM900 2/2/2 INDOOR	5100B0500000985	1
195	BTS GSM900 2/2/2 OUTDOOR	5100B0500001056	1
196	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001215	1
197	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001284	1
198	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001286	1
199	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001297	1
200	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001302	1
201	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001340	1
202	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001342	1
203	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001345	1
204	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001347	1
205	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001349	1
206	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001354	1
207	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001395	1
208	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001418	1
209	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001429	1
210	BTS ALCATEL 900 HP TRX	5100B0500001448	1
211	BTS ALCATEL 1800 MP TRX	5100B0500001467	1
212	BTS ALCATEL 1800 MP TRX	5100B0500001503	1
213	BTS ALCATEL 1800 MP TRX	5100B0500001506	1
214	BTS 3900 INDOOR 2/2/2	5100B0500001570	1
215	BTS DB 3900 4/4/4	5100B0500001785	1
216	BTS 1800TRI-SECTOR,INDOOR	5100B0500002029	1
217	BTS 1800TRI-SECTOR,INDOOR	5100B0500002032	1
218	BTS 900 TRI-SECTOR,INDOOR	5100B0500002099	1
219	BTS 900 TRI-SECTOR,INDOOR	5100B0500002148	1
220	BTS 900 TRI-SECTOR,INDOOR	5100B0500002231	1
221	BTS 900 TRI-SECTOR,INDOOR	5100B0500002238	1
222	BTS 900 TRI-SECTOR,INDOOR	5100B0500002267	1
223	BTS OUTDOOR 2/2 GSM1800	5100B0500002279	1
224	BTS OUTDOOR 2/2 GSM1800	5100B0500002368	1
225	BTS DB 3900 4/4/4-TACH	5100B0500002432	1
226	BTS ALCATEL 1800-TACH	5100B0500002507	1
227	BTS ALCATEL 1800-TACH	5100B0500002529	1
228	BTS DBAND 10/10/10-TACH	5100B0500002547	1
229	BTS ALCATEL 10/10/10-TACH	5100B0500002581	1
230	BTS DB 3900 4/4/4-TACH	5100B0500002682	1
231	MACRO INDOOR GSM900+1800	5100B0500002794	1
232	BTS 3900 DUAL BAND 4/4/4	5100B0500003081	1
233	BTS 3900 DUAL BAND 4/4/4	5100B0500003088	1
234	TRAM BTS 3012 2/2/2	5100B0500003224	1
235	TRAM BTS 3012 2/2/2	5100B0500003225	1
236	BTS CAUHINH 2/2/2NAMCHINH	5100B0500003537	1
237	BTS 9100-MBI5, 1/1/1	5100B0500003567	1
238	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500003617	1
239	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500003619	1
240	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500003620	1
241	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500003622	1
242	BTS GSM 900 MP TRX 2/2/2	5100B0500003696	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
243	BTS GSM 900 MP TRX 2/2/2	5100B0500003697	1
244	BTS GSM 900 MP TRX 2/2/2	5100B0500003698	1
245	BTS GSM 900 MP TRX 2/2/2	5100B0500003699	1
246	BTS GSM 900 MP TRX 2/2/2	5100B0500003700	1
247	BTS GSM 900 MP TRX 2/2/2	5100B0500003701	1
248	BTS GSM 900 MP TRX 2/2/2	5100B0500003703	1
249	BTS GSM 900 MP TRX 2/2/2	5100B0500003704	1
250	BTS GSM 1800 MICRO 4TXR	5100B0500003732	1
251	BTS GSM 1800 MICRO 4TXR	5100B0500003733	1
252	BTS GSM 1800 MICRO 4TXR	5100B0500003735	1
253	BTS GSM 1800	5100B0500003770	1
254	BTS DUAL-BAND GSM900/1800	5100B0500003789	1
255	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/3	5100B0500003852	1
256	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/3	5100B0500003857	1
257	BTS HP TRX 2/2/2	5100B0500003890	1
258	BTS HP TRX 2/2/2	5100B0500003891	1
259	BTS HP TRX 2/2/2	5100B0500003893	1
260	BTS HP TRX 2/2/2	5100B0500003897	1
261	BTS HP TRX 2/2/2	5100B0500003900	1
262	BTS HP TRX 2/2/2	5100B0500003903	1
263	BTS HP TRX 2/2/2	5100B0500003904	1
264	BTS HP TRX 2/2/2	5100B0500003906	1
265	BTS HP TRX 2/2/2	5100B0500003908	1
266	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500003990	1
267	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500004029	1
268	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500004057	1
269	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500004060	1
270	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500004061	1
271	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500004062	1
272	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500004065	1
273	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/2	5100B0500004132	1
274	BTS GSM 900 HP TRX 2/2/3	5100B0500004170	1
275	BTS GSM 900 MP TRX 2/2/2	5100B0500004256	1
276	BTS GSM 900 MP TRX 2/2/2	5100B0500004266	1
277	BTS GSM 900 HP TRX	5100B0500004602	1
278	BTS GSM 900 HP TRX	5100B0500004666	1
279	BTS GSM 900 HP TRX	5100B0500004685	1
280	BTS GSM 900 HP TRX	5100B0500004692	1
281	BTS GSM 900 HP TRX	5100B0500004693	1
282	BTS GSM 900 HP TRX	5100B0500004748	1
283	BTS GSM 900 HP TRX	5100B0500004752	1
284	BTS GSM1800 MPTWIN	5100B0500004790	1
285	BTS GSM1800 MPTWIN	5100B0500004793	1
286	BTS GSM1800 MPTWIN	5100B0500004794	1
287	BTS GSM1800 MPTWIN	5100B0500004810	1
288	BTS GSM1800 MPTWIN	5100B0500004811	1
289	BTS GSM1800 MPTWIN	5100B0500004812	1
290	BTS GSM1800 MPTWIN	5100B0500004820	1
291	BTS 1800TRI-SECTOR MPTWIN	5100B0500004831	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
292	BTS 1800TRI-SECTOR MPTWIN	5100B0500004847	1
293	BTS 1800TRI-SECTOR MPTWIN	5100B0500004851	1
294	BTS 1800TRI-SECTOR MPTWIN	5100B0500004859	1
295	BTS GSM900 TRI-SECTOR MP	5100B0500004876	1
296	BTS GSM900 TRI-SECTOR MP	5100B0500004877	1
297	BTS GSM900 TRI-SECTOR MP	5100B0500004878	1
298	BTS GSM900 TRI-SECTOR MP	5100B0500004916	1
299	BTS GSM900 TRI-SECTOR MP	5100B0500005040	1
300	DIEU HOA DAIKIN 24.200BTU	5100B0800000214	1
301	MP.DIEN KIPOR 1PHA,12KVA	5100B1500000063	1
302	MAY PHAT DIEN CaPO 8KVA	5100B1500000738	1
303	MAY PHAT DIEN CaPO	5100B1500000936	1
304	MPHATDIEN LISTER PETTER	5100B1500000962	1
305	MPD KYOGENSET THG9KLS3	5100B1500001709	1
306	MAY PD CAPO 8K MQ9600RME	5100B1500001843	1
307	MPD CAPO 8KVA	5100B1500001849	1
308	MPD CAPO 8KVA	5100B1500001853	1
309	MAY PHAT KUBUTA 8 KVA	5100B1500001919	1
310	MAY PD KUBOTA D722 10KVA	5100B1500001944	1
311	MAYNO TOYO TKV15-SBS 7KVA	5100B1500001954	1
312	MAY PHAT KUBOTA - J112	5100B1500001980	1
313	MPD CHAY XANG EY6,5MB	5100B1500002266	1
314	MPD CHAY XANG EY6,5MB	5100B1500002268	1
315	MAY PHAT DIEN VIETGEN8KVA	5100B1500002356	1
316	MAY PHAT DIEN VIETGEN8KVA	5100B1500002367	1
317	MPD VIETGEN 8 KVA 1 PHA	5100B1500002629	1
318	MPD VIETGEN 8 KVA 1 PHA	5100B1500002670	1
319	MP DIEN KIBII EX10KLE 8KV	5100B1500002977	1
320	MPD DIESEL CAPO 6.5KVA	5100B1500004384	1
321	HT CAT LOC SET NGUON 3PHA	5100B2000000035	1
322	HTCAT LOC SET TSG-SRF340	5100B2000000150	1
323	CLS SF340A-NE-SS480,LPI	5100B2000000311	1
324	CLS SF340A-NE-SS480,LPI	5100B2000000406	1
325	CL SET TSG-SRF340,ERICO	5100B2000000482	1
326	CLS 100BTS NAM HANOI 2008	5100B2000000669	1
327	CLS 100BTS NAM HANOI 2008	5100B2000000676	1
328	CLS AC ERICO TSG-SRF 340	5100B2000000806	1
329	CLS AC ERICO TSG-SRF 340	5100B2000000849	1
330	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100B2000000921	1
331	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100B2000000996	1
332	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100B2000001035	1
333	CLS ERICO TSG-SRF340	5100B2000001104	1
334	CLS ERICO TSG-SRF340	5100B2000001158	1
335	CLS ERICO TSG-SRF 340	5100B2000001175	1
336	CLS ERICO TSG-SRF 340	5100B2000001190	1
337	CLS ERICO TSG-SRF 340	5100B2000001205	1
338	CLS ERICO TSG-SRF 340	5100B2000001215	1
339	CLS ERICO TSG-SRF 340	5100B2000001250	1
340	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100B2000001297	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
341	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100B2000001300	1
342	CLS ERICO TSG-SRF363	5100B2000001649	1
343	CLS ERICO TSG-SRF363	5100B2000001650	1
344	CLS ERICO TSG-SRF340	5100B2000001663	1
345	CLS GLOBAL TSG-PLP 1125F	5100B2000001938	1
346	CLS GLOBAL TSG-PLP 1125F	5100B2000001943	1
347	CLS LPI SF1125A-NEC-SS480	5100B2000002103	1
348	CLS LPI SF1125A-NEC-SS480	5100B2000002199	1
349	CLS LPI SF1125A-NEC-SS480	5100B2000002201	1
350	CLS LPI SF1125A-NEC-SS480	5100B2000002202	1
351	HTCAT LOC SET SF3150KA	5100B2000002600	1
352	HTCAT LOC SET TSG-SRF340	5100B2000002657	1
353	HT CAT LOC SET NGUON AC	5100B2000002714	1
354	HT CAT LOC SET NGUON AC	5100B2000002718	1
355	HT CAT LOC SET NGUON AC	5100B2000002838	1
356	HT CAT LOCSET BTS HUAWEI	5100B2000002927	1
357	HT CAT LOCSET 3FA, 40A/FA	5100B2000003336	1
358	HT CAT LOCSET 3FA, 40A/FA	5100B2000003736	1
359	HT CLS 1 FA 125A ERICO	5100B2000003833	1
360	HT CLS 1 FA 125A ERICO	5100B2000003834	1
361	HT CAT LOC SET 3 PHA 40A	5100B2000004182	1
362	TB CLS TSG&TDS 3PHA 40A	5100B2000004471	1
363	DBS 3900 S1/1/1	5100B3400002682	1
364	RBS 6202 3G 2/2/2 2G6/6/6	5100B3400003705	1
365	RBS 6202 3G 2/2/2 2G4/4/4	5100B3400003789	1
366	RBS 6202 3G 2/2/2 2G4/4/4	5100B3400003983	1
367	RBS 6202 3G 2/2/2 2G4/4/4	5100B3400003987	1
368	RBS 6202 3G 2/2/2 2G4/4/4	5100B3400004083	1
369	RBS 6202	5100B3400008279	1
370	RBS 6202	5100B3400008485	1
371	RBS 6202	5100B3400008505	1
372	RBS 6202	5100B3400008547	1
373	RBS 6202	5100B3400008677	1
374	RBS 6202	5100B3400008682	1
375	RBS 6202	5100B3400008808	1
376	RBS 6202	5100B3400008813	1
377	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045119	1
378	TB RBS INDOOR 3206M 3X1	5100B3400045186	1
379	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045245	1
380	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045246	1
381	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045247	1
382	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045248	1
383	TB RBS INDOOR 3206M 3X1	5100B3400045249	1
384	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045252	1
385	TB RBS INDOOR 3206M 3X1	5100B3400045253	1
386	RBS 3206M	5100B3400045254	1
387	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045256	1
388	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045259	1
389	RBS 3206M	5100B3400045260	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
390	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045261	1
391	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045263	1
392	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045266	1
393	TB RBS INDOOR 3206M 3X1	5100B3400045267	1
394	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045332	1
395	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045333	1
396	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045334	1
397	RBS 3206M	5100B3400045335	1
398	TB RBS INDOOR 3206F 3X3	5100B3400045336	1
399	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045337	1
400	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045338	1
401	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045340	1
402	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045341	1
403	RBS 3206	5100B3400045342	1
404	TB RBS INDOOR 3206M 3X1	5100B3400045344	1
405	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045345	1
406	TB RBS NODE B 3418 3X1	5100B3400045347	1
407	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045348	1
408	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045349	1
409	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045350	1
410	TB RBS INDOOR 3206M 3X1	5100B3400045351	1
411	RBS 3206M	5100B3400045354	1
412	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045355	1
413	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045357	1
414	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045358	1
415	TB RBS INDOOR 3206M 3X1	5100B3400045359	1
416	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045361	1
417	RBS 3206M	5100B3400045362	1
418	TB RBS INDOOR 3206M 3X1	5100B3400045365	1
419	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045366	1
420	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045367	1
421	TB RBS INDOOR 3206M 3X1	5100B3400045368	1
422	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045369	1
423	TB RBS INDOOR 3206M 3X2	5100B3400045370	1
424	TB RBS INDOOR 3206M 3X1	5100B3400045372	1
425	TB RBS NODE B 3206M	5100B3400045426	1
426	TBI KHUECH DAI CS BOOSTER	5100B7900000139	1
427	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001756	1
428	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001759	1
429	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001760	1
430	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001761	1
431	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001767	1
432	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001768	1
433	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001769	1
434	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001770	1
435	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001772	1
436	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001787	1
437	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001788	1
438	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001790	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
439	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001792	1
440	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001793	1
441	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001794	1
442	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001796	1
443	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001797	1
444	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001798	1
445	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001799	1
446	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001800	1
447	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001801	1
448	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001803	1
449	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001804	1
450	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001805	1
451	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001806	1
452	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001807	1
453	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001809	1
454	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001810	1
455	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001811	1
456	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001813	1
457	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001814	1
458	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001815	1
459	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001816	1
460	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001817	1
461	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001818	1
462	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001821	1
463	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001824	1
464	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001825	1
465	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001829	1
466	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001835	1
467	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001837	1
468	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001841	1
469	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001868	1
470	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001869	1
471	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001871	1
472	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001875	1
473	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001880	1
474	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001881	1
475	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001882	1
476	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001883	1
477	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001885	1
478	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001886	1
479	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001900	1
480	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001902	1
481	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001903	1
482	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001915	1
483	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001920	1
484	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001928	1
485	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001933	1
486	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001944	1
487	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001949	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
488	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001951	1
489	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001957	1
490	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001958	1
491	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001959	1
492	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100001990	1
493	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002000	1
494	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002001	1
495	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002002	1
496	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002003	1
497	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002012	1
498	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002021	1
499	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002022	1
500	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002026	1
501	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002029	1
502	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002034	1
503	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002042	1
504	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002044	1
505	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002047	1
506	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002051	1
507	VIBA PDH 15GHz-NEO 3G	5100D0100002052	1
508	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002055	1
509	VIBA PDH 7GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002056	1
510	VIBA PDH 7GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002058	1
511	VIBA PDH 7GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002067	1
512	VIBA PDH 7GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002068	1
513	VIBA PDH 7GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002070	1
514	VIBA PDH 7GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002079	1
515	VIBA PDH 15GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002082	1
516	VIBA PDH 15GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002086	1
517	VIBA PDH 15GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002087	1
518	VIBA PDH 15GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002088	1
519	VIBA PDH 15GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002089	1
520	VIBA PDH 15GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002090	1
521	VIBA PDH 15GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002091	1
522	VIBA PDH 15GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002092	1
523	VIBA PDH 15GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002093	1
524	VIBA PDH 15GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002094	1
525	VIBA PDH 7GHz-NEC NEO 2G	5100D0100002096	1
526	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002098	1
527	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002105	1
528	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002157	1
529	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002165	1
530	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002167	1
531	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002168	1
532	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002169	1
533	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002171	1
534	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002174	1
535	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002175	1
536	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002177	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
537	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002178	1
538	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002179	1
539	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002180	1
540	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002181	1
541	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002182	1
542	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002183	1
543	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002184	1
544	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002185	1
545	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002186	1
546	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002187	1
547	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002188	1
548	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002189	1
549	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002196	1
550	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002197	1
551	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002199	1
552	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002200	1
553	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002202	1
554	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002203	1
555	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002205	1
556	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002206	1
557	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002207	1
558	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002208	1
559	THIET BI VIBA PDH 7GHZ	5100D0100002211	1
560	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002226	1
561	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002231	1
562	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002240	1
563	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002243	1
564	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002247	1
565	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002248	1
566	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002251	1
567	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002253	1
568	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002254	1
569	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002260	1
570	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002280	1
571	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002299	1
572	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002309	1
573	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002310	1
574	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002314	1
575	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002316	1
576	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002318	1
577	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002319	1
578	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002321	1
579	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002322	1
580	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002323	1
581	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002324	1
582	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002325	1
583	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002327	1
584	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002328	1
585	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002330	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
586	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002331	1
587	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002339	1
588	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002340	1
589	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002344	1
590	THIET BI VIBA PDH 15GHZ	5100D0100002346	1
591	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002431	1
592	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002432	1
593	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002433	1
594	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002434	1
595	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002435	1
596	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002437	1
597	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002438	1
598	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002439	1
599	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002442	1
600	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002443	1
601	TBI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002444	1
602	THIET BI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002446	1
603	THIET BI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002447	1
604	THIET BI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002448	1
605	THIET BI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002449	1
606	THIET BI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002452	1
607	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002459	1
608	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002460	1
609	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002461	1
610	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002462	1
611	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002463	1
612	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002464	1
613	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002465	1
614	THIET BI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002466	1
615	THIET BI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002467	1
616	THIET BI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002468	1
617	THIET BI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002470	1
618	THIET BI VIBA PDH 7GHz	5100D0100002471	1
619	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002472	1
620	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002473	1
621	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002474	1
622	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100002475	1
623	VIBA PDH 15 GHZ 32E+2PLAN	5100D0100003237	1
624	VIBA PDH 15 GHZ 32E+2PLAN	5100D0100003275	1
625	VIBA PDH 15 GHZ 32E+2PLAN	5100D0100003342	1
626	VIBA PDH 15 GHZ 32E+2PLAN	5100D0100003358	1
627	VIBA PDH 15 GHZ 32E+2PLAN	5100D0100003402	1
628	VIBA PDH 15Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003816	1
629	VIBA PDH 15Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003817	1
630	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003890	1
631	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003893	1
632	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003894	1
633	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003895	1
634	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003896	1

SỐ TT	Danh mục	Mã TSCĐ	Số lượng
635	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003897	1
636	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003899	1
637	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003901	1
638	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003902	1
639	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003903	1
640	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003912	1
641	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003922	1
642	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003924	1
643	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003925	1
644	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003936	1
645	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003938	1
646	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003951	1
647	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003952	1
648	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003953	1
649	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003956	1
650	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100003957	1
651	VIBA PDH 7Ghz,16*2Mb 1+0	5100D0100004023	1
652	THIET BI VIBA PDH 15GHz	5100D0100004242	1
653	VIBA 15 GHz ALC PLUS2E	5100D0100004411	1
654	MAY PHOTO IN QUET 5002I	5100E0500000014	1
Tổng cộng			**654**

PHỤ LỤC 2: GIÁ TRỊ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

STT	Danh mục	Mã CCDC	Số lượng	Ghi chú
1	THIET BI CANH BAO NGOAI TEC-ALM08	5100CBN000010	1	
2	THIET BI CANH BAO NGOAI TEC-ALM08	5100CBN000011	1	
3	THIET BI CANH BAO NGOAI TEC-ALM08	5100CBN000012	1	
4	THIET BI CANH BAO NGOAI TEC-ALM08	5100CBN000013	1	
5	THIET BI CANH BAO NGOAI TEC-ALM08	5100CBN000014	1	
6	THIET BI CANH BAO NGOAI TEC-ALM08	5100CBN000015	1	
7	THIET BI CANH BAO NGOAI TEC-ALM08	5100CBN000016	1	
8	THIET BI CANH BAO NGOAI TEC-ALM08	5100CBN000017	1	
9	THIET BI GIAM SAT DIEU KHIEN CANH BAO SMU126	5100CBN000024	1	
10	THIET BI GIAM SAT DIEU KHIEN CANH BAO SMU126	5100CBN000025	1	
11	THIET BI GIAM SAT DIEU KHIEN CANH BAO SMU126	5100CBN000026	1	
12	THIET BI GIAM SAT DIEU KHIEN CANH BAO SMU126	5100CBN000027	1	
13	THIET BI GIAM SAT DIEU KHIEN CANH BAO SMU126	5100CBN000028	1	
14	THIET BI GIAM SAT DIEU KHIEN CANH BAO SMU126	5100CBN000029	1	
15	THIET BI DIEU KHIEN TRUNG TAM SMU126	5100CBN000031	1	
16	THIET BI DIEU KHIEN TRUNG TAM SMU126	5100CBN000032	1	
17	THIET BI GIAM SAT CANH BAO	5100CBN000050	1	
18	HE THONG CANH BAO NGOAI	5100CBN001040	1	
19	HT CANH BAO NGOAI BTS-05V	5100CBN001679	1	
20	CANH BAO NGOAI SMU126	5100CBN002935	1	
21	CANH BAO NGOAI SMU126	5100CBN003188	1	
22	HT GIAM SAT &DK DTU BTS	5100GST00878	1	
23	CAT LOC SET AC 1PHA LPS12-63A, POSTEF	5100CLS000256	1	
24	CAT LOC SET AC 1PHA LPS12-63A, POSTEF	5100CLS000258	1	
25	CAT LOC SET 1 PHA SSD12/100KA.TDS	5100CLS000506	1	
26	CAT LOC SET 1 PHA SSD12/100KA.TDS	5100CLS000524	1	
27	CAT LOC SET 1 PHA SSD12/100KA.TDS	5100CLS000720	1	
28	CAT LOC SET 1 PHA SSD12/100KA.TDS	5100CLS000727	1	
29	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS000759	1	
30	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS000763	1	
31	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS000777	1	
32	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS000839	1	
33	CAT LOC SET GLOBAL 1 PHA	5100CLS001234	1	
34	CAT LOC SET GLOBAL 1 PHA	5100CLS001633	1	
35	CAT LOC SET GLOBAL 1 PHA	5100CLS001712	1	
36	CAT LOC SET GLOBAL 1 PHA	5100CLS002059	1	
37	CAT LOC SET GLOBAL 1 PHA	5100CLS002063	1	
38	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS002481	1	
39	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS002499	1	
40	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS002505	1	
41	CAT LOC SET GLOBAL 1 PHA	5100CLS002708	1	
42	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS003156	1	
43	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS003289	1	
44	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS003301	1	
45	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS003474	1	
46	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS003863	1	
47	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS003902	1	
48	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS003906	1	
49	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS003938	1	
50	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS004019	1	
51	CAT LOC SET LPS-12 1 PHA 63A	5100CLS004067	1	
52	THIET BI CHONG SET BTS	5100CLS004122	1	

STT	Danh mục	Mã CCDC	Số lượng	Ghi chú
53	CLS POSTEF LPS12-125/135	5100CLS004476	1	
54	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100CLS004493	1	
55	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100CLS004585	1	
56	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100CLS004586	1	
57	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100CLS004593	1	
58	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100CLS004598	1	
59	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100CLS004608	1	
60	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100CLS004611	1	
61	HT CAT LOC SET NGUON 1PHA	5100CLS004642	1	
62	HT CAT LOC SET NGUON 1PHA	5100CLS004645	1	
63	HT CAT LOC SET NGUON 1PHA	5100CLS004661	1	
64	HT CAT LOC SET NGUON 1PHA	5100CLS004664	1	
65	CLS GLOBAL 1125-F140 1PHA	5100CLS004785	1	
66	CLS LPS 12-125/260KA-TSG	5100CLS004857	1	
67	CLS GLOBAL 1125-F140 1PHA	5100CLS004918	1	
68	CLS POSTEF LPS12-125/135	5100CLS005131	1	
69	CLS LPI SF1125A-NE-SS480	5100CLS005170	1	
70	CLS LPS 12-125/260KA-TSG	5100CLS005319	1	
71	CLS LPS 12-125/260KA-TSG	5100CLS005405	1	
72	CAT LOC SET 3 PHA 63A	5100CLS005429	1	
73	CAT LOC SET LPI SF163A-480	5100CLS005521	1	
74	CAT LOC SET POSTEF LPS12-63/135KA	5100CLS005644	1	
75	CAT LOC SET POSTEF LPS12-63/135KA	5100CLS005666	1	
76	CLS LPS 12-125/260KA-TSG	5100CLS05334	1	
77	CAT LOC SET GLOBAL 1 PHA	5100CLS001208	1	
78	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK000100	1	16 01 07
79	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK000295	1	16 01 07
80	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK000296	1	16 01 07
81	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK000331	1	16 01 07
82	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK000571	1	16 01 07
83	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK000896	1	16 01 07
84	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK001009	1	16 01 07
85	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK001383	1	16 01 07
86	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK002053	1	16 01 07
87	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK002273	1	16 01 07
88	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK002274	1	16 01 07
89	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK002831	1	16 01 07
90	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK002946	1	16 01 07
91	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK002975	1	16 01 07
92	DHKK TOSHIBA 2C1C 10000 BTU	5100DHK003554	1	16 01 07
93	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK004121	1	16 01 07
94	DHKK DAIKIN 2C1C 9000 BTU	5100DHK004263	1	16 01 07
95	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK004432	1	16 01 07
96	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK004433	1	16 01 07
97	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK004499	1	16 01 07
98	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK004566	1	16 01 07
99	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK004569	1	16 01 07
100	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK004572	1	16 01 07
101	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK004616	1	16 01 07
102	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK004624	1	16 01 07
103	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK005516	1	16 01 07
104	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK005517	1	16 01 07
105	DHKK TOSHIBA 2C1C 9000 BTU	5100DHK006375	1	16 01 07
106	DH GENERAL 2C1C ASG18A	5100DHK006731	1	16 01 07
107	DH GENERAL 2C1C ASG18A	5100DHK006743	1	16 01 07

STT	Danh mục	Mã CCDC	Số lượng	Ghi chú
108	DH MITSU 2C1C SRK18CEV	5100DHK006762	1	16 01 07
109	DH MITSU 2C1C SRK18CEV	5100DHK006764	1	16 01 07
110	DH GENERAL ASG 20A	5100DHK006812	1	16 01 07
111	DH GENERAL ASG 20A 19500	5100DHK006813	1	16 01 07
112	DH GENERAL ASG 20A 19500	5100DHK006814	1	16 01 07
113	DH GENERAL ASG 12A -12000	5100DHK006815	1	16 01 07
114	DH GENERAL ASG 12A 12000	5100DHK006816	1	16 01 07
115	DH GENERAL ASG 12A 12000	5100DHK006817	1	16 01 07
116	DH GENERAL 2CUC 1C 12.000	5100DHK006820	1	16 01 07
117	DH GENERAL 2CUC 1C 12.000	5100DHK006821	1	16 01 07
118	DH GENERAL 2CUC 1C 12.000	5100DHK006824	1	16 01 07
119	DH GENERAL 2CUC 1C 12000	5100DHK006836	1	16 01 07
120	DH GENERAL 2CUC 1C 12000	5100DHK006837	1	16 01 07
121	DH GENERAL ASG/AOG18	5100DHK006862	1	16 01 07
122	DH GENERAL ASG/AOG18	5100DHK006863	1	16 01 07
123	DH GENERAL ASG/AOG18	5100DHK006864	1	16 01 07
124	DH GENERAL ASG/AOG 18000	5100DHK006865	1	16 01 07
125	DH GENERAL ASG/AOG 18000	5100DHK006866	1	16 01 07
126	DH CARRIER 38/42 P18	5100DHK006876	1	16 01 07
127	DH CARRIER 38/42 P18	5100DHK006885	1	16 01 07
128	DH CARRIER 38/42 P18	5100DHK006886	1	16 01 07
129	DH CARRIER 38/42 P18	5100DHK006888	1	16 01 07
130	DH CARRIER 38/42 P18	5100DHK006889	1	16 01 07
131	DH SANYO 2CUC 1C KC184GJL	5100DHK006898	1	16 01 07
132	DH MITSU 2C1C SRK18CEV	5100DHK006929	1	16 01 07
133	DH MITSU 2C1C SRK18CEV	5100DHK007012	1	16 01 07
134	DH DAIKIN INVENTER 2C1C	5100DHK007749	1	16 01 07
135	Điều hòa Daikin 12,000 BTU Inverter Model: FTE35FV1/RE35JV1	5100DHK009272	2	16 01 07
136	DH DAIKIN 12.000 BTU 2C1C	5100DHK009301	1	16 01 07
137	DH GENERAL 2C1C 12000BTU	5100DHK009417	1	16 01 07
138	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK009494	1	16 01 07
139	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK009597	1	16 01 07
140	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK009887	1	16 01 07
141	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK010161	1	16 01 07
142	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK010462	1	16 01 07
143	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK010558	1	16 01 07
144	DH GENERAL ASG18A PHA16A	5100DHK010621	1	16 01 07
145	DH MITSU 2C1C SRK18CEV	5100DHK010655	1	16 01 07
146	DH GENERAL 2CUC 1C 12.000	5100DHK010664	1	16 01 07
147	DH GENERAL 2CUC 1C 18.000	5100DHK010665	1	16 01 07
148	DH GENERAL 2CUC 1C 18.000	5100DHK010668	1	16 01 07
149	DH GENERAL 2CUC 1C 18.000	5100DHK010669	1	16 01 07
150	DH GENERAL 18.000 BTU 2C	5100DHK010670	1	16 01 07
151	DH GENERAL 18.000 BTU 2C	5100DHK010671	1	16 01 07
152	DH SANYO 2CUC 1C KC184GJL	5100DHK010672	1	16 01 07
153	DH SANYO 2CUC 1C KC184GJL	5100DHK010673	1	16 01 07
154	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK010879	1	16 01 07
155	DH GENERAL ASG18A PHA16A	5100DHK010995	1	16 01 07
156	DH GENERAL 2C1C 12000BTU	5100DHK011002	1	16 01 07
157	DH GENERAL ASG18A 2C P16C	5100DHK011901	1	16 01 07
158	DH GENERAL 2CUC 1C 18.000	5100DHK011932	1	16 01 07
159	DH GENERAL 2C1C 12000 BTU	5100DHK012240	1	16 01 07
160	DH GENERAL 2C1C 12000 BTU	5100DHK012274	1	16 01 07
161	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012416	1	16 01 07
162	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012419	1	16 01 07

STT	Danh mục	Mã CCDC	Số lượng	Ghi chú
163	DH GENERAL ASG18A PHA16A	5100DHK012430	1	16 01 07
164	DH GENERAL ASG18A PHA16A	5100DHK012431	1	16 01 07
165	DH GENERAL ASG18A PHA16C	5100DHK012432	1	16 01 07
166	DH GENERAL ASG18A PHA16C	5100DHK012433	1	16 01 07
167	DH GENERAL ASG18A PHA16C	5100DHK012434	1	16 01 07
168	DH GENERAL ASG18A PHA16C	5100DHK012435	1	16 01 07
169	DH GENERAL ASG18A PHA16C	5100DHK012436	1	16 01 07
170	DH GENERAL ASG18A PHA16C	5100DHK012437	1	16 01 07
171	DH GENERAL ASG18A 2C P16C	5100DHK012441	1	16 01 07
172	DH GENERAL ASG18A 2C P16C	5100DHK012442	1	16 01 07
173	DH GENERAL ASG18A 2C P16C	5100DHK012443	1	16 01 07
174	DH GENERAL ASG18A 2C P16C	5100DHK012444	1	16 01 07
175	DH GENERAL ASG18A 2C P16C	5100DHK012446	1	16 01 07
176	DH GENERAL ASG18A 2C P16C	5100DHK012447	1	16 01 07
177	DH GENERAL ASG18A 2C P16C	5100DHK012448	1	16 01 07
178	DH GENERAL ASG18A 2C P16C	5100DHK012449	1	16 01 07
179	DH GENERAL ASG18A 2C P16C	5100DHK012450	1	16 01 07
180	DH MITSU 2C1C SRK18CEV	5100DHK012472	1	16 01 07
181	DH MITSU 2C1C SRK18CEV	5100DHK012473	1	16 01 07
182	DH MITSU 2C1C SRK18CEV	5100DHK012481	1	16 01 07
183	DH MITSUBISHI ARK 18CEV	5100DHK012484	1	16 01 07
184	DH DAIKIN 1C 12000BTU	5100DHK012503	1	16 01 07
185	DH MITSU 2C1C SRC18CEV	5100DHK012557	1	16 01 07
186	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012602	1	16 01 07
187	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012603	1	16 01 07
188	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012604	1	16 01 07
189	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012605	1	16 01 07
190	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012606	1	16 01 07
191	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012608	1	16 01 07
192	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012609	1	16 01 07
193	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012610	1	16 01 07
194	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012612	1	16 01 07
195	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012613	1	16 01 07
196	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012615	1	16 01 07
197	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012617	1	16 01 07
198	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012619	1	16 01 07
199	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012620	1	16 01 07
200	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012621	1	16 01 07
201	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012623	1	16 01 07
202	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012625	1	16 01 07
203	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012627	1	16 01 07
204	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012629	1	16 01 07
205	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012631	1	16 01 07
206	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012632	1	16 01 07
207	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012633	1	16 01 07
208	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012635	1	16 01 07
209	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012638	1	16 01 07
210	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012640	1	16 01 07
211	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012642	1	16 01 07
212	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012644	1	16 01 07
213	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012646	1	16 01 07
214	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012649	1	16 01 07
215	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012653	1	16 01 07
216	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012657	1	16 01 07
217	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012661	1	16 01 07

STT	Danh mục	Mã CCDC	Số lượng	Ghi chú
218	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012665	1	16 01 07
219	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012753	1	16 01 07
220	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012770	1	16 01 07
221	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012795	1	16 01 07
222	DH MITSU 2C1C SRK18CEV-4	5100DHK012800	1	16 01 07
223	DH GENERAL 2C1C 12000BTU	5100DHK012808	1	16 01 07
224	DH PANASONIC 2C1C12000BTU	5100DHK012852	1	16 01 07
225	DH MITSU 2C1C SRK13CHV-4	5100DHK012881	1	16 01 07
226	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK012953	1	16 01 07
227	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK013037	1	16 01 07
228	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK013046	1	16 01 07
229	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK013063	1	16 01 07
230	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK013135	1	16 01 07
231	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK013229	1	16 01 07
232	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK013239	1	16 01 07
233	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK013244	1	16 01 07
234	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK013369	1	16 01 07
235	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK013377	1	16 01 07
236	DH DAIKIN 2C1C 12000BTU	5100DHK013379	1	16 01 07
237	DH REETECH RTV12-BO/RCV12-BO	5100DHK013539	1	16 01 07
238	DH REETECH RTV12-BO/RCV12-BO	5100DHK013613	1	16 01 07
239	DH REETECH RTV12-BO/RCV12-BO	5100DHK013615	1	16 01 07
240	DH REETECH RTV12-BO/RCV12-BO	5100DHK013827	1	16 01 07
241	DH DAIKIN 26200BTU	5100DHK013845	1	16 01 07
242	DH DAIKIN INVERTER 12000BTU	5100DHK013936	1	16 01 07
243	DH DAIKIN 25000BTU INVETER	5100DHK013965	1	16 01 07
244	DH DAIKIN 25000BTU INVETER	5100DHK013966	1	16 01 07
245	DH DAIKIN 12000BTU INVETER	5100DHK013975	1	16 01 07
246	DH DAIKIN 12000BTU INVETER	5100DHK013976	1	16 01 07
247	DHKK TOSHIBA 2C1C 13000BTU	5100DHK014282	1	16 01 07
248	DHKK TOSHIBA 2C1C 13000BTU	5100DHK014289	1	16 01 07
249	DHKK TOSHIBA 2C1C 13000BTU	5100DHK014427	1	16 01 07
250	DHKK TOSHIBA 2C1C 13000BTU	5100DHK014817	1	16 01 07
251	DHKK TOSHIBA 2C1C 13000BTU	5100DHK014920	1	16 01 07
252	DHKK TOSHIBA 2C1C 13000BTU	5100DHK014798	1	16 01 07
253	DH REETECH RTV12-BO/RCV12-BO	5100DHK013757	1	16 01 07
254	DIEU HOA 12000 BTU	5100DHK014142	1	16 01 07
255	MPD CHAY XANG EY3,4MB	5100MPD000004	1	
256	MPD CHAY XANG EY3,4MB	5100MPD000005	1	
257	ON AP LIOA 15KVA	5100OA00711	1	
258	ON AP HANSINCO 20KVA	5100OA00843	1	
259	ON AP STANDARD-ODA 3G	5100OAP000094	1	
260	ON AP STANDARD-ODA 3G	5100OAP000104	1	
261	ON AP STANDARD-ODA 3G	5100OAP000105	1	
262	ON AP HANSINCO 15 KVA	5100OAP000230	1	
263	ON AP HANSINCO 15 KVA	5100OAP000264	1	
264	ON AP HANSINCO 15 KVA	5100OAP000286	1	
265	ON AP HANSINCO 15 KVA	5100OAP000287	1	
266	ON AP 1PHA 10KVA DAI RONG	5100OAP000874	1	
267	ON AP 1PHA 10KVA DAI HEP	5100OAP000876	1	
268	ON AP 1PHA 10KVA DAI HEP	5100OAP000879	1	
269	ON AP 1PHA 10KVA DAI HEP	5100OAP000880	1	
270	ON AP 1PHA 10KVA DAI RONG	5100OAP000882	1	
271	ON AP 1PHA 10KVA DAI RONG	5100OAP000886	1	
272	ON AP 1PHA 10KVA DAI RONG	5100OAP000887	1	

STT	Danh mục	Mã CCDC	Số lượng	Ghi chú
273	ON AP 1PHA 10KVA DAI RONG	5100OAP000890	1	
274	ON AP 1PHA 10KVA DAI RONG	5100OAP000891	1	
275	ON AP 1PHA 10KVA DAI RONG	5100OAP000897	1	
276	ON AP 1PHA 10KVA DAI RONG	5100OAP000898	1	
277	ON AP 1PHA 10KVA DAI RONG	5100OAP000906	1	
278	ON AP HANSIN 15KVA	5100OAP001583	1	
279	ON AP HANSIN 10 KVA XOAY CHIEU	5100OAP001826	1	
280	ON AP HANSIN 10 KVA XOAY CHIEU	5100OAP001827	1	
281	ON AP HANSIN 10 KVA XOAY CHIEU	5100OAP001844	1	
282	AMPLY AAP Z4800	5100CKT000033	1	
283	BO TRON MIXER VATASA K1000II	5100CKT000034	1	
284	MAY IN LASER HP M203DW-G3Q47A	5100INN000050	1	16 01 13
285	MAY IN LASER HP M604N-E6B67A	5100INN000051	1	16 01 13
286	Cannon LBP 8780x	5100INN000061	1	16 01 13
287	Dell Ultra Sharp UZ 2215H - 21.5"	5100CPT000216	1	16 01 13
288	MAN HINH DELL LED 23" E2314H	5100MHH000059	1	16 01 13
289	MAN HINH DELL LED 23" E2314H	5100MHH000060	1	16 01 13
290	MAN HINH DELL LED 23" E2314H	5100MHH000061	1	16 01 13
291	MAN HINH DELL LED 23" E2314H	5100MHH000062	1	16 01 13
292	MAY TINH XACH TAY DELL 5378	5100LAP000003	1	16 01 13
293	MAY TINH XACH TAY DELL E5470	5100LAP000009	1	16 01 13
294	MAY TINH XACH TAY DELL E5470	5100LAP000010	1	16 01 13
295	MAY TINH XACH TAY DELL E5470	5100LAP000011	1	16 01 13
296	MAY TINH XACH TAY DELL E5470	5100LAP000012	1	16 01 13
297	MAY TINH XACH TAY DELL E5470	5100LAP000013	1	16 01 13
298	MAY TINH XACH TAY HP ELITEBOOK 840 G4	5100LAP000040	1	16 01 13
299	MAY TINH XACH TAY HP ELITEBOOK 840 G4	5100LAP000058	1	16 01 13
300	Máy tính xách tay DELL VOSTRO 3458 (Mới trang bị)	5100LAP000259	1	16 01 13
301	Máy tính xách tay DELL VOSTRO 3458 (Mới trang bị)	5100LAP000260	1	16 01 13
302	MAY TINH DELL LATITUDE 3450	5100LAP000283	1	16 01 13
303	MAY TINH DELL LATITUDE 3450	5100LAP000284	1	16 01 13
304	CASE MAY TINH HP280 G2	5100CPT000004	1	16 01 13
305	MAY TINH ALL IN ONE OPTIPLEX 3030 AIO	5100CPT000015	1	16 01 13
306	MAY TINH DE BAN DELL VOSTRO 3650	5100CPT000033	1	16 01 13
307	MAY TINH DE BAN DELL VOSTRO 3650	5100CPT000034	1	16 01 13
308	MAY TINH DE BAN DELL VOS3671	5100CPT000154	1	16 01 13
309	Máy tính đồng bộ Dell optiplex 3020SFF.Màn hình HP1859m (Mới trang bị)	5100CPT000210	1	16 01 13
310	CPU DELL OPTIPLEX 3040 MT	5100CPT000211	2	16 01 13
311	Dell Ultra Sharp UZ 2215H - 21.5"	5100CPT000212	1	16 01 13
312	Dell Optiplex 7020MT	5100CPT000213	1	16 01 13
313	Dell Ultra Sharp UZ 2215H - 21.5"	5100CPT000214	1	16 01 13
314	Dell Optiplex 7020MT	5100CPT000215	1	16 01 13
315	Máy tính đồng bộ Dell optiplex 3020. Màn hình Dell monitor	5100CPT000217	1	16 01 13
316	Máy tính lắp ráp, Màn Hình LCD DELL E2216H, Bộ bàn phím chuột không dây Logitech Wireless MK260r	5100CPT000218	1	16 01 13
317	HP (máy cũ)	5100CPT000252	1	16 01 13
318	Dell Optiplex 7020MT	5100CPT000254	1	16 01 13
319	Máy Dell optimex 380	5100CPT000258	1	16 01 13
320	MAY TINH HP 280	5100CPT000155	1	16 01 13
321	MAY TINH DE BAN HP PRODESK 400 G4	5100CPT000038	1	16 01 13
322	MAY TINH DE BAN HP PRODESK 400 G4	5100CPT000039	1	16 01 13
323	MAY TINH DE BAN HP PRODESK 400 G4	5100CPT000040	1	16 01 13
324	May Scan Canon LIDE 220	5100SCN000007	1	16 01 13
325	UPS RIELLO NPW1000	5100UPS000114	1	

STT	Danh mục	Mã CCDC	Số lượng	Ghi chú
326	UPS Upselect 2KVA online	5100UPS000213	3	
327	UPS santak 1000VA	5100UPS000214	2	
328	USB Lưu điện	5100UPS000216	1	
329	Tủ kính	5100CVP000002	2	
330	Tủ gỗ	5100CVP000003	2	
331	Tổng đài Pana (1 mẹ 10 con)	5100CVP000004	1	
332	Salon _tp	5100CVP000005	1	
333	Tủ sắt cánh kính	5100CVP000008	3	
334	Tủ sắt cánh kính	5100CVP000009	7	
335	Tủ sắt và kính	5100CVP000010	4	
336	Tổng đài nội bộ	5100CVP000011	1	
337	Bàn làm việc Hòa Phát 1600x800x760	5100CVP000013	1	
338	Máy bơm Pedrolle 750W	5100CVP000114	1	
339	Tủ sắt CAT 08G	5100CVP000453	4	
340	Máy hút bụi Clean mate 365	5100CVP000455	1	
341	Tủ sắt có khoá số	5100CVP000456	1	
342	Ghế chân quỳ Hòa Phát	5100CVP000457	3	
343	Kệ sắt Hòa Phát	5100CVP000458	8	
344	Tủ đựng tài liệu có kính Hòa Phát	5100CVP000459	1	
345	Bàn làm việc Hòa Phát	5100CVP000460	4	
346	Ghế Hòa Phát	5100CVP000461	8	
347	Bình ga ĐHKK + Đồng hồ đo ga	5100CVP000463	3	
348	Tủ sắt CAT 118-7DT Hòa Phát	5100CVP000464	1	
349	Máy hàn 200A Atec	5100CVP000465	1	
350	Máy hút bụi Panasonic - CL 481	5100CVP000466	6	
351	Máy hút bụi 1500W Panasonic	5100CVP000467	3	
352	Máy hút bụi 1500W Panasonic	5100CVP000468	3	
353	Bộ nội quy tiêu lệch	5100CVP000469	74	
354	Giá đỡ ON AP (1 bé)	5100CVP000470	10	
355	Bình Accquy Phonix 12V-100Ah	5100CVP000471	2	19 06 01
356	Tủ sắt kính Hòa Phát	5100CVP000472	6	
357	Bàn làm việc Hòa Phát	5100CVP000473	5	
358	KĐt s¾t 63 c	5100CVP000474	1	
359	Bàn Trưởng phòng	5100CVP000475	1	
360	Tủ phụ (Trưởng phòng)	5100CVP000476	1	
361	Hộc di động	5100CVP000477	1	
362	Ghế trưởng phòng	5100CVP000478	1	
363	Ghế xoay	5100CVP000479	2	
364	Tủ 6 ngăn	5100CVP000480	3	
365	Bàn làm việc KT 700x1800x750mm	5100CVP000639	1	
366	Bàn làm việc KT 700x1200x350mm	5100CVP000640	1	
367	Bảng kính văn phòng	5100CVP000641	1	
368	DIEN THOAI SAMSUNG A50S	5100CVP000664	1	
Cộng			**514**	

PHỤ LỤC 3: VẬT TƯ

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	ACCU	kg	54.810	19 06 01
2	ACCU NUOC	kg	6.160	19 06 01
3	ANTEN NHO	cái	33	
4	ANTEN TO	cái	744	
5	ATS	cái	8	
6	BLOCK	cái	9	
7	CAP DONG	mét		
	Cáp nguồn RRU 2x6	mét	3.469	
	Cáp tiếp đất M6 (vàng/xanh)	mét	8	
	Cáp nguồn 2x2.5	mét	245	
	Cáp tiếp đất M25 (xanh/vàng)	mét	41	
	Cáp nguồn 2x6	mét	1.520	
	Cáp nguồn 2x1.5	mét	9	
	Cáp tiếp đất M16 (vàng/xanh)	mét	1.793	
	Cáp nguồn RRU 2x3.33	mét	5.023	
	Cáp tiếp đất M70 (vàng/xanh)	mét	3	
	Ống đồng bảo ôn	mét	88	
	Tiếp đất feeder 7/8	mét	59	
8	CAP QUANG	mét	14.158	
9	CAP NHOM	mét		
	Cáp nhôm AL 4x35	mét	170	
	Cáp nhôm AL 2x16	mét	265	
	Cáp nhôm AL 2x25	mét	1.920	
	Cáp nhôm AL 2x35	mét	19.433	
	Cáp nhôm AL 2x50	mét	2.030	
10	CAP THEP	mét		
	Cáp thép D10	mét	1.652	
	Cáp thép D12	mét	123.938	
11	CAP TRUNG TAN	mét		
	Cáp trung tần 8D FB	mét	277	
	Cáp trung tần 5D FB	mét	4.092	
12	CARD NHO	chiếc		16 01 13
	Khối SM (System Module)	chiếc	1	
	Card PEFF8	chiếc	1	
	Card Combiner 900-1800	chiếc	1	
	Card XCS Huawei	chiếc	1	
	Cisco 7600 Router switch Pro 720 Gbps-RSP720-	chiếc	4	
	RAX;Random Access and RX	chiếc	1	
	Card SSN1D12S	chiếc	2	
	Card TRAG	chiếc	17	
	Card SMU	chiếc	1	
	Card SSND1MD12000	chiếc	2	
	FSMF System Module	chiếc	14	
	ASNK7	chiếc	2	
	Digital Unit DUG 20 Basic Module	chiếc	8	
	Card SUMA	chiếc	144	
	Card GTMU	chiếc	10	
	Card OVP	chiếc	1	
	Card Baseband 5212 Digital Unit	chiếc	1	

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Card TRE	chiếc	38	
	TDM 1001	chiếc	3	
	Card PQ1	chiếc	1	
	Card PSXCSA	chiếc	2	
	Card GSCC	chiếc	2	
	Card PETF8	chiếc	2	
	ACX1000 DC	chiếc	3	
	Card JBX MUX	chiếc	4	
	Thiết bị ACX2100 (CSG)	chiếc	2	
	Card AGC9E	chiếc	10	
	Card PMU Saft	chiếc	4	
	Card SST1EOW	chiếc	1	
	Card JAXSSW	chiếc	8	
	Card PEG8	chiếc	3	
	Card SLQ	chiếc	1	
	Card SSNR00EGS41	chiếc	1	
	Card SST1AUX	chiếc	1	
13	CARD TO	chiếc		16 01 13
	RRU3971a for Multi-Mode 1800MHz(4*40W)	chiếc	3	
	Card MRFU 900	chiếc	18	
	Card MRFU 1800	chiếc	31	
	Card RRU 2100	chiếc	2	
	Card RRU 900	chiếc	3	
	Thiết bị OPTIX OSN 7500 HUAWEI	chiếc	1	
	Card ANCGP	chiếc	7	
	RRUW;01 B1 Radio Unit	chiếc	3	
	Digital Unit DUW 31 Basic Module	chiếc	22	
	Khối thu phát TX/RX (900/1800)	chiếc	12	
	Card TRX Alcatel MP GSM 900	chiếc	68	
	Remote Radio Unit RRUS-01B0 (900MHz) -48VDC	chiếc	12	
	Card RRU 1800	chiếc	3	
	Card TAGHE	chiếc	4	
	Radio Unit RUS-02B0 (900P MHz)	chiếc	3	
	Radio 2219 B1; Radio Unit	chiếc	1	
	FXED FLEXI RF MODULE 6TX 1800	chiếc	2	
	Card RRU 3G	chiếc	12	
	Card ANC	chiếc	43	
	Card AGC18	chiếc	181	
	Remote Radio Unit RRUS-01B1 (2100MHz) -	chiếc	59	
	RRU5909 for Multi-Mode 2100MHz(2*60W)	chiếc	1	
	Card TRX	chiếc	570	
14	FEEDER	mét		
	Feeder đồng	mét	25.554,5	
	Feeder nhôm	mét	25.554,5	
15	JUMPER	mét	6.607	
16	RACK19	cái	1	
17	TU NGUON	cái	13	
18	HOP CAU DAO	chiếc	11	
19	HOP DIEN	tủ	96	
20	MAI TON	mét	434	
21	NHA SHELTER MAY NO	cái	13	

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
22	PHU KIEN	chiếc		16 01 13
	SUP+dây line	chiếc	11	
	SUP 6601	chiếc	17	
	PDU; Power Distribution Unit	chiếc	38	
	Card PMU Flatback	chiếc	1	
	ODU NEC V4	chiếc	2	
	FSAH EAC cable HDMI-D37 15m	chiếc	2	
	CBU1	chiếc	38	
	DC-PDB (truyền dẫn)	chiếc	3	
	Card DCDU	chiếc	20	
	FUFBB MM OD fiber LC OD-LC OD dual 50m	chiếc	12	
	BBU 3900	chiếc	1	
	ET-MFX	chiếc	1	
	OBIF; Optical Baseband InterFace	chiếc	1	
	Dual band Repeater Sunnada	chiếc	2	
	Card SM-8xSTM [T2.5G	chiếc	1	
	IDU SIAE	chiếc	5	
	IDU NEC V4	chiếc	4	
	IDU NEC NEO	chiếc	1	
	Bộ Gá RRU	bộ	2	
	Connector Outdoor 5D-FB (thẳng)	chiếc	52	
	Kẹp cáp quang RRU	chiếc	450	
	Connector 7/8 N Male	chiếc	44	
	Connector 7/16 DIN Male	chiếc	96	
	ODF 12FO	chiếc	4	
	ODF 48FO (48 core)	chiếc	4	
	Giá ắc quy	chiếc	31	
	Cùm Anten thường	chiếc	461	
	Bộ Gá viba	bộ	6	
	Bộ gá anten (2 cùm + 1 pole 2.8m)	chiếc	221	
	Ống pole 1.5m	chiếc	61	
	Vỏ tủ ắc qui	Vỏ	4	
	Khung giá tủ nguồn	chiếc	14	
	Máng cáp	mét	3	
	Cánh nắp cống bể	chiếc	4	
	Indoor rack (giá 19 inch)	chiếc	34	
	Bảng tiếp đất	chiếc	4	
	DDF (trạm BTS)	hộp	8	
	Bộ chia smallcell	chiếc	5	
	Khung giá ODF	chiếc	17	
	Khung cống bể	chiếc	5	
	Khung giá DDF BSC&MUX	chiếc	5	
	Cửa sổ feeder	chiếc	2	
	Duplexer 900/(1800-2100)	chiếc	4	
	Connector 7/8 DIN female	chiếc	1	
	Connector 7/8 female	chiếc	36	
	Ma ní	chiếc	12	
	Kim thu sét	chiếc	2	
	Tăng đơ	chiếc	15	
	Bulong	cái	110	
23	PHẾ LIỆU	chiếc, cái		

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	FCU; Fan Control Unit	chiếc	1	
	Aptomat 20A	chiếc	44	
	cảm biến nhiệt	chiếc	7	
	Aptomat 63A	chiếc	1	
	Bộ coil dàn nóng	chiếc	11	
	Phiến DDF	chiếc	5	
	Công tắc	cái	4	
	Mạch điều khiên dàn lạnh inverter	cái	18	19 06 01
	Động cơ quạt dàn nóng	cái	8	
	Tụ Block	chiếc	2	
	Van tiết lưu từ	chiếc	8	
	Động cơ quạt dàn lạnh	cái	3	
	IC điều hòa	cái	14	
	Quạt dàn nóng	cái	1	
	Tụ quạt	cái	2	
	Mạch điều khiên dàn nóng inventor	cái	15	
	Dây curoa MPĐ	cái	15	
	Bộ kích từ AVR MPĐ	cái	14	
	Két nước MPĐ	cái	2	
	Mạch điều khiên tốc độ	cái	1	
	Khóa điện MPĐ	cái	8	
	Kim phun MPĐ	cái	5	
	Bơm dầu MPĐ	cái	11	
	Cuộn dây hít ga tự động	cái	1	
	Gioăng mặt MPĐ	chiếc	6	
	Sensor đo áp suất nhớt MPĐ	cái	4	
	Thay Cực	chiếc	1	
	Lọc nhớt MPĐ	cái	1	
	Rơ le đề MPĐ	cái	14	
	Lọc gió MPĐ	cái	3	
	Van hằng nhiệt	cái	1	
	Bộ diamo	cái	3	
	sensor dàn nóng	cái	3	
	Ống dẫn dầu	cái	7	
	Củ đề MPĐ	cái	6	
	Selenol tắt máy MPĐ	cái	15	
	Chổi Than	chiếc	1	
	Chế hòa khí MPĐ	cái	3	
	bộ điều khiên băng tay	cái	1	
	Optical Transceiver SFP 1310nm 6.144G	chiếc	468	
	Cộng		**304.214**	